



# 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

UY TÍN

**CHẤT LƯỢNG**  
SÁNG TẠO



# 01

## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai

# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

# 05

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Bảng lưu chuyển tiền tệ  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính



## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



CÔNG TY CPCN GỐM SỨ TAICERA  
大同奈陶瓷工業股份有限公司

TAICERA ENTERPRISE COMPANY



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

**Tên Tiếng Anh** : TAICERA ENTERPRISE COMPANY

**Số điện thoại** : (84.2513) 841 594 - 841 597

**Giấy CNĐKDN số** : 3600254001 đăng ký thay đổi lần thứ 4 theo ngày 17 tháng 05 năm 2017

**Fax** : (84.2513) 841 598 - 841 592

**Vốn điều lệ** : 454.328.360.000 đồng  
Bốn trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn

**Website** : [www.taicera.com](http://www.taicera.com)

**Địa chỉ** : Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Email** : [www@taicera.com](mailto:www@taicera.com)

**Mã cổ phiếu** : TCR





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty CPHH Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là 19.500.000USD, trong đó vốn pháp định là 8.500.000USD. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm

**1994**



Chủ tịch UBCKNN có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM

**2006**



**2005**

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn



**2006 - Nay**

Công ty đã thực hiện 13 đợt tăng vốn và hoạt động hiệu quả, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo tình hình thị trường



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera:

- Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Sản xuất vòi, van ống, thiết bị vệ sinh bằng kim loại và các chi tiết, linh kiện đi kèm bằng kim loại và bằng chất dẻo dùng trong nhà bếp, phòng tắm.

Các sản phẩm chính của Taicera bao gồm gạch men và gạch thạch anh, cụ thể

Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách: 30\*30; 40\*40; 60\*30; gạch viền và điểm, gạch tranh (Đơn vị tính: cm)

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách: Gạch giả cổ và bóng kiếng các quy cách :30\*30; 40\*40; 60\*30; 60\*60; 80\*80; 90\*90; 100\*100; 1200\*600; gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm)



Sản phẩm gồm: vòi, van ống, thiết bị vệ sinh bằng kim loại và các chi tiết, linh kiện đi kèm bằng kim loại và bằng chất dẻo dùng trong nhà bếp, phòng tắm





## ĐỊA BÀN KINH DOANH



### VIỆT NAM

**Miền Nam:** chi nhánh Tp Hồ Chí Minh, chi nhánh Nhà Máy phân phối sản phẩm cho Tp Hồ Chí Minh, Tp.Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu v.v...

### VIỆT NAM

**Miền Tây Nam Bộ:** chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...

### VIỆT NAM

**Miền Bắc:** chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

### VIỆT NAM

**Miền Trung:** Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuật, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

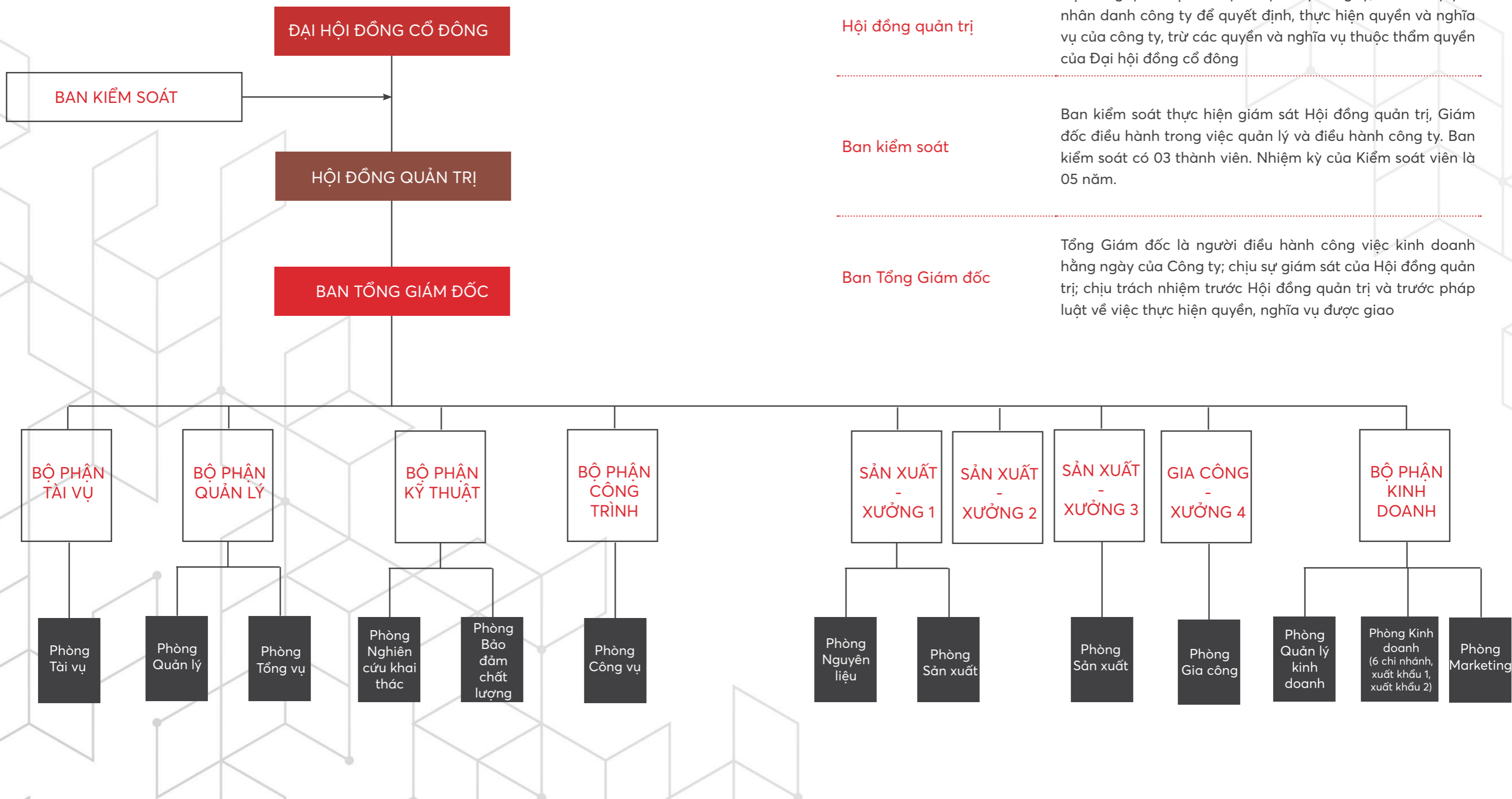
### THẾ GIỚI

Sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miến Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006 đến nay, thêm các thị trường Mỹ, Argentina, v.v.



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Cơ cấu bộ máy quản lý



## Mô hình quản trị

### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần

### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

### Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm.

### Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao





## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Các công ty con, công ty liên kết:

### CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TAICERA

- Địa chỉ: Lô C2, Đường D1, KCN Cát Lái – Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp.Thủ Đức, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 72.467.193.134 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 51,00%
- Tỷ lệ biểu quyết: 51,00%

### CÔNG TY TNHH TEKKNIA

- Địa chỉ: 247 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 14.482.440.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết: 100%



## MỘT SỐ THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 19/05/2013 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 20/05/2016 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2010, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 05/03/2015 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.
- Chứng nhận Hợp quy QCVN16:2017/BXD, số chứng nhận 07-11 (TCR01-CĐ-2018) được cấp ngày 02/03/2018 bởi Quatest 3.
- Chứng nhận CE Marking số (EU) CPR305/2011, được cấp ngày 21/03/2015 bởi NQA.

TRUST - CLASSIC - REVOLUTION - SPEED

ISO 9001:2015



ISO 14001:2015



Với hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Taicera là sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ. Taicera mong muốn kiến tạo môi trường nhà ở đẹp cho mọi người, thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những sản phẩm ưu việt nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động, thu lợi nhuận tối đa, đóng góp cho nhà nước và đầu tư phát triển cho Công ty.

- Để đạt mục tiêu này, Taicera luôn có chiến lược kinh doanh trong trung và dài hạn cụ thể như sau:
- Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng giai đoạn của thị trường;
- Taicera không ngừng tìm kiếm các nhà cung ứng với giá phù hợp tại thị trường Trung Quốc và Việt Nam. Đồng thời, tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu với chi phí hợp lý hơn nhằm hạn chế tối đa chi phí đầu vào;
- Kiểm soát chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu để đạt mục tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra;
- Nâng cấp hệ thống dây chuyền sản xuất đã lỗi thời, cũ kỹ và đầu tư hệ thống công nghệ, hạ tầng của Italia nhằm phục vụ nhu cầu của các đối tác quốc tế và nâng cấp chất lượng sản phẩm ở mức tốt nhất;
- Taicera nhận định thị trường Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển và sản phẩm cao cấp sẽ là trao lưu chủ yếu trong tương lai. Theo đó, Công ty đã xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển phù hợp với xu thế thị trường hiện nay;
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Ngoài mục tiêu phát triển bền vững cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Taicera luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường và xã hội. Chính vì thế, Công ty luôn có chính sách và kế hoạch bảo vệ môi trường, hỗ trợ an sinh xã hội như:

- Áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào trong quá trình sản xuất, tối ưu hoá năng suất của máy móc nhằm hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường;
- Công ty sử dụng thiết bị, công nghệ có khả năng giảm thiểu khói, bụi và các chất độc hại thải ra môi trường trong quá trình sản xuất gạch men;
- Các thiết bị sản xuất, máy móc cần được bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường;
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo không gây ô nhiễm cho nguồn nước
- Tạo công ăn, việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên trong Công ty;
- Có chính sách hỗ trợ gia đình người lao động của Công ty đang gặp khó khăn, tham gia các quỹ quyên góp, từ thiện tại địa phương.





### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022, đại dịch Covid-19 đã được hầu hết các quốc gia trên thế giới kiểm soát. Tuy nhiên, lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu và động thái đầu tiên của Mỹ nhằm điều chỉnh lạm phát là việc Cục dự trữ liên bang Mỹ đã điều chỉnh lãi suất và trong năm 2022 FED (Ngân hàng dự trữ Liên bang Hoa Kỳ) đã điều chỉnh tổng cộng 7 lần, tăng biên độ lãi suất cho vay cơ bản lên mức cao nhất trong vòng 15 năm qua để đáp ứng với tình hình này.

Tại Việt Nam, cuộc chiến giữa Nga và Ukraine và chính sách zero covid tại Trung Quốc đã gây ra ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, thương mại và chuỗi cung ứng. Điều này đã dẫn đến giá cả nguyên liệu đầu vào tăng mạnh gây khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp trên cả nước đặc biệt là doanh

nghiệp sản xuất. Tuy nhiên, thị trường Việt Nam vẫn được đánh giá là khởi sắc ở hầu hết các lĩnh vực, với GDP đạt 8,02% so với năm trước và tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng (ngành tác động đến lĩnh vực kinh doanh của Taicera) ước tính đạt 8% - 8,5%. Đây là sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp đã giúp triển khai hiệu quả các chính sách và biện pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế, góp phần giúp các ngành sản xuất và dịch vụ phục hồi mạnh mẽ và cũng là triển vọng cho nền kinh tế năm 2023.

Trong năm 2022, Ban lãnh đạo của Taicera luôn theo dõi tình hình biến động thị trường thế giới nói chung và thị trường trong nước nói riêng nhằm đưa ra các phương án hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, giúp hạn chế tối thiểu rủi ro cho hoạt động của Công ty.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Năm 2022, thị trường tài chính - tiền tệ đã trải qua nhiều biến động với việc FED đã thực hiện 7 lần liên tiếp tăng lãi suất và đưa lãi suất của Mỹ lên cao nhất, nhằm đưa lạm phát trở lại mục tiêu 2% và giữ vững kỳ vọng lạm phát dài hạn, Ngân hàng trung ương tại Việt Nam đã nâng mức lãi suất điều hành thêm 2 điểm phần trăm nhằm kiểm soát lạm phát và giữ ổn định kinh tế vĩ mô. Giải pháp này đã giúp Chính phủ và các cơ quan hữu quan kiểm soát lạm phát và CPI tăng chỉ 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Tuy nhiên, trong xu hướng năm 2023, áp lực lạm phát dự kiến sẽ tăng cao do ảnh hưởng của chi phí nguyên vật liệu tăng và yếu tố trong nước khác. Do đó, Công ty cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế thị trường và lập dự toán các chi phí phát sinh trong hoạt động của mình. Chính sách tiền tệ của NHTW và FED sẽ còn phụ thuộc vào tình hình lạm phát và kinh tế toàn cầu, và nên được theo dõi cẩn thận để đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả.

### RỦI RO TỶ GIÁ

Nền kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2022 có nhiều sự biến động đáng quan ngại, thị trường ngoại hối trong nước với xu hướng đảo chiều dòng vốn vào Việt Nam đang tăng mạnh do lạm phát và sự điều hành chính sách tiền tệ của FED. Theo đó, trong hai tháng là tháng 9 và tháng 10/2022, NHNN (Ngân hàng nhà nước) đã liên tục 2 lần tăng lãi suất điều hành và 1 lần nới biên độ tỷ giá đã phần nào đưa tỷ giá về được trạng thái cân bằng, giải tỏa phần nào tâm lý mua găm giữ chờ giá lên. Cụ thể, lần một tăng lãi suất diễn ra vào cuối tháng 9 với lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 5%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 2,5%/năm lên 3,5%/năm. Việc NHNN nới biên độ tỷ giá đã phần nào tạo ra không gian rộng lớn hơn để các nhà xuất khẩu, nhập khẩu, nhà đầu tư nước ngoài và người dân lựa chọn cách thức tỷ giá cân bằng trên cơ sở cung cầu thị trường. Theo đó, biên độ tỷ giá sau khi được nới rộng ra thì tỷ giá thị trường đã tiếp tục biến động thêm một số ngày và dần dần đã tìm được điểm cân bằng trong giai đoạn từ đầu tháng 11.

Dự báo tỷ giá giai đoạn 2023 sẽ còn tiếp tục phụ thuộc vào lộ trình tăng lãi suất của FED. Theo đó, FED có thể sẽ có thêm những đợt tăng lãi suất tiếp theo nhưng kỳ vọng các đợt tăng sẽ nhẹ và thưa hơn so với trước, qua đó USD sẽ không còn tăng giá quá mạnh như trong năm 2022. Với hoạt động kinh doanh sản phẩm đẩy mạnh ở thị trường quốc tế, Taicera luôn quan tâm, theo dõi sát sao tình hình biến động tỷ giá để có chính sách quyết toán, xuất khẩu, nhập khẩu và cân đối dòng tiền nhằm hạn chế tối đa tác động của tỷ giá đến doanh thu của Công ty.



## CÁC RỦI RO

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Taicera hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đây là sàn giao dịch lớn nhất cả nước, tại đây niêm yết danh sách các Công ty có quy mô lớn và giá trị kinh tế đóng góp cho quốc gia cao. Vì vậy, công ty cần phải tuân thủ các quy định về Luật như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các luật liên quan khác để đảm bảo hoạt động của mình đúng quy trình pháp lý.

Bên cạnh đó, việc ký kết thỏa thuận AFTA với các nước trong khu vực ASEAN làm cho thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN xuống 0%. Điều này sẽ cho phép các nước trong ASEAN, như Thái Lan, Malaysia và Indonesia, có thể xuất khẩu sản phẩm gạch ceramic của mình vào Việt Nam. Như vậy, ngành sản xuất gạch ceramic tại Việt Nam, đã và đang phải đối mặt với tình trạng thừa cung, áp lực cạnh tranh lớn, đặc biệt là từ Trung Quốc, khi mà gạch ceramic của Trung Quốc được nhập khẩu vào Việt Nam mà không bị áp đặt thuế.

Theo đó, mọi thay đổi trong hệ thống pháp luật đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị của công ty. Vì vậy, Taicera cần đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, cập nhật các thay đổi pháp lý và áp dụng các biện pháp ứng phó phù hợp để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật.

### RỦI RO GIÁ NĂNG LƯỢNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

Thị trường dầu mỏ thế giới đã trải qua một năm nhiều biến động về giá cả và nguồn cung. Một cuộc khủng hoảng nguồn cung dầu mỏ và biến động giá dầu xảy ra trong năm 2022 ở nhiều quốc gia trên thế giới với nhiều mức độ khác nhau trong đó Việt Nam cũng là quốc gia chịu tác động nghiêm trọng từ đợt biến động này. Hiện nay giá dầu đã có dấu hiệu giảm từ mức đỉnh (tháng 03/2022) 130 USD/thùng xuống còn 75 USD/thùng (-34,6% so với mức đỉnh) do những lo ngại về nhu cầu thiếu hụt khi FED thắt chặt chính sách tiền tệ và chính sách Zero Covid tại Trung Quốc.

Hoạt động sản xuất gạch men tiêu tốn rất nhiều năng lượng, nhiên liệu, và điện chiếm 35% tổng chi phí của Công ty. Với tình hình thị trường xăng dầu đang tăng, giá các nguyên liệu liên quan cũng tăng theo Taicera đã tận dụng thế mạnh của mình, bằng việc sử dụng khí thiên nhiên từ ngoài khơi biển Vũng Tàu thay cho khí hóa lỏng (LPG) giúp cho phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Taicera giảm đáng kể. Nhờ đó Taicera hạn chế được phần nào rủi ro này.

### RỦI RO KHÁC

Các tác động từ thiên nhiên và các rủi ro bất khả kháng khác như bão, lũ lụt, động đất, dịch bệnh, hỏa hoạn,... có thể gây ra thiệt hại lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Taicera. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đã cập nhật thông tin về thời tiết, chính trị xã hội và áp dụng các biện pháp phòng cháy nhằm đối phó với các rủi ro và giảm thiểu thiệt hại tài sản và nhân sự.



# 2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO THỊ TRƯỜNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	(%) 2022/2021
Sản lượng tiêu thụ	m <sup>2</sup>	6.164.925	6.400.343	103,81%
Trong nước	m <sup>2</sup>	3.550.244	4.136.063	116,50%
Xuất khẩu	m <sup>2</sup>	2.614.681	2.264.280	86,66%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	934.630	1.098.009	117,48%
Trong nước	Triệu đồng	543.884	665.871	122,43%
Xuất khẩu	Triệu đồng	390.746	432.138	110,59%



**Dark**  
G98MXGA



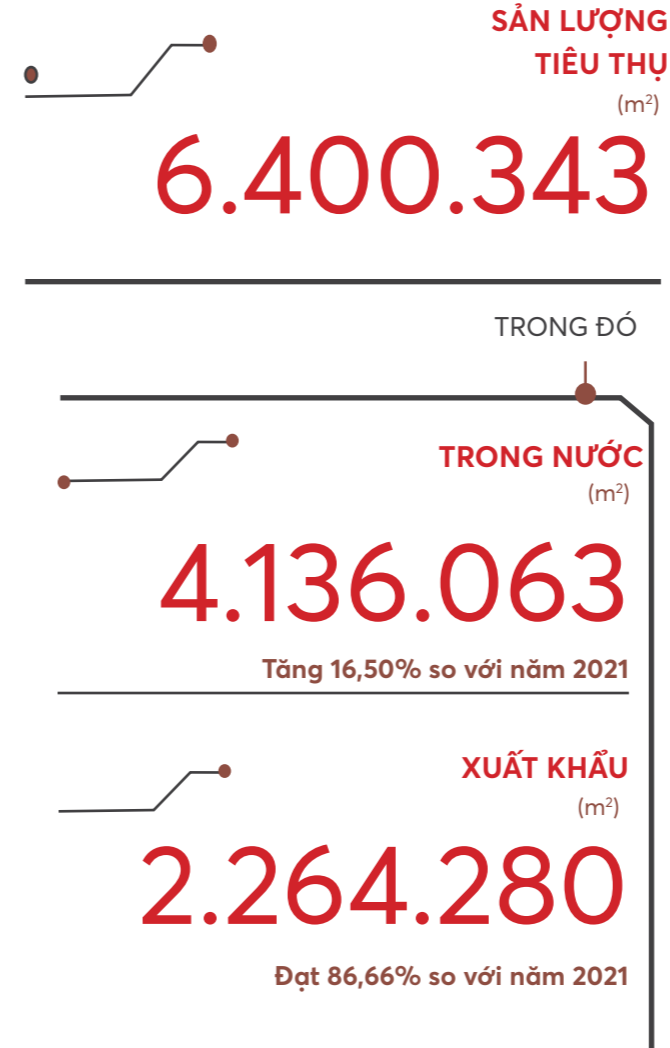
**Medium**  
G98MXGR



**Light**  
G98MXBL

Mix  
stone

Color  
Collection



Trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu do đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang đối mặt với nhiều khó khăn nghiêm trọng. Lạm phát tăng cao, giá nguyên liệu năng lượng như gas, xăng, dầu cũng tăng mạnh và gây đứt gãy chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, ngành xây dựng trong nước cũng đang gặp nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý cấp phép và tiếp cận vốn vay để phục vụ các dự án.

Nhận thấy tình hình thị trường khó khăn và phức tạp, Taicera đã đưa ra chiến lược phát triển phù hợp, tập trung vào việc tiết kiệm chi phí đầu vào nhưng vẫn đảm bảo sản lượng sản xuất theo kế hoạch đã đặt ra. Cụ thể, Taicera đã dời dây chuyền mài cạnh từ xưởng Mỹ Xuân sang Xưởng 2 để tiến hành gia công và đóng gói trực tiếp thành phẩm, sau đó nhập kho. Đồng thời, Taicera cũng thành lập Xưởng gia công Khử sắt giúp tối giản chi phí sản xuất và ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào.

Nhờ sự nỗ lực đó, sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 4.136.063 m<sup>2</sup>, tăng 16,50%, so với năm 2021 và sản lượng tiêu thụ trong nước ở mức 2.264.280 m<sup>2</sup>. Doanh thu thuần cũng tăng 17,48% so với cùng kỳ năm 2021, với số tiền là 665.871 triệu đồng và 432.138 triệu đồng cho thị trường trong nước và xuất khẩu tương ứng.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Chen Cheng Jen	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Chen Jo Yuan	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Tang Tai Ying	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Long Gen	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Wang, Jui-Chuan	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Ông Ding Zong Min	Thành viên Hội đồng quản trị



#### ÔNG CHEN CHENG JEN

**Chức vụ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1949

**Quốc tịch:** Đài Loan

**Trình độ chuyên môn:**

Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

1983-1995: Tổng Giám đốc Công ty CPHH ENGAR

1995-2017: Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:**

1.308.151 cổ phần – tỷ lệ 2,88% VDL

**Đại diện phần vốn:**

Union Time Enterprises Limited:  
13.265.600 cổ phần



#### ÔNG CHEN JO YUAN

**Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1979

**Quốc tịch:** Đài Loan

**Trình độ chuyên môn:**

Công nghệ phần mềm

**Quá trình công tác:**

2006-2009: Kỹ sư Wison Technology corporatio

2009-2010: Kỹ sư Quanta Computer Inc

2010-2013: Kỹ sư HTC

2013-2022: Phó giám đốc công ty MStar Semiconductor, Inc

Tháng 4/2022: Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

**Đại diện phần vốn:**

Charmstar Bussiness Corporation:  
7.368.103 cổ phần





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### ÔNG TANG TAI YING

**Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1955

**Quốc tịch:** Đài Loan

**Trình độ chuyên môn:**

Quản lý doanh nghiệp

**Quá trình công tác:**

1981-1984

Tổng Giám Đốc Hsin Ho Manufacturing Co., Ltd

1984-1990: Tổng Giám Đốc Nahua Plastics Co., Ltd.

1990-1992: Tổng Giám Đốc Guangdong Xinhui Xianhao Plumbing Equipment Co., Ltd

1993-1996: Tổng Giám Đốc Beijing Xianhao Plumbing Equipment Co., Ltd.

1996-2001: Phó chủ tịch Beijing Kohler Ltd

1992-nay: Chủ tịch Ideal Dragon Investment Ltd

1998-T7/2003: TV HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co.,LTD

T7/2003: Chủ tịch HĐQT Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co.,LTD

T4/2003 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

**Đại diện phần vốn:**

Sun Talent Limited: 10.109.594 cổ phần



### ÔNG LONG GEN

**Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1986

**Quốc tịch:** Trung Quốc

**Trình độ chuyên môn:**

Nghiên cứu

**Quá trình công tác:**

Tháng 7/2012- Tháng 6/2014: Trợ lý Tổng Giám Đốc Công ty CPHH

Công nghiệp Khu Dân Cư Seagull Quảng Châu

Tháng 4/2022: Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

**Đại diện phần vốn:** Không có



### ÔNG WANG, JUI-CHUAN

**Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1961

**Quốc tịch:** Đài Loan

**Trình độ chuyên môn:**

Cơ khí chế tạo

**Quá trình công tác:**

1983-1987 : Giám đốc BP kỹ thuật Better Enterprise Co., LTD

1988-1996: Giám đốc phòng Kinh doanh Sunspring Corporation

1996-2003: Tổng Giám đốc Sunspring Metal Corporation

Tháng 7/2003: Phó Tổng Giám đốc Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co.,LTD

Tháng 11/2015-Nay: TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co.,LTD

Tháng 4/2022: Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

**Đại diện phần vốn:** Không có



### ÔNG DING ZONG MIN

**Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1978

**Quốc tịch:** China

**Trình độ chuyên môn:**

Đầu tư chứng khoán

**Quá trình công tác:**

Tháng 7/2000: Tốt nghiệp khoa ngoại ngữ trường đại học Hoa Đông

2000-2004: Giáo viên trường đại học công nghệ kỹ thuật Thượng Hải

Tháng 9/2004 – Tháng 6/2006: Học quản trị kinh doanh tại học viện quản lý trường đại học giao thông vận tải Thượng Hải

Tháng 7/2006 – Tháng 8/2010: Phó Tổng Giám đốc Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co.,LTD

Tháng 9/2010 – Tháng 6/2012: Giám đốc trụ sở chính M&A chứng khoán Quốc Thái Quân An

Tháng 7/2012 – Tháng 3/2015: Tổng giám đốc đầu tư của tập đoàn Quốc tế Thượng Hải

Tháng 3/2015: Tổng giám đốc đầu tư mạo hiểm Quốc Xuyên Thượng Hải

Phó giám đốc công ty MStar Semiconductor, Inc

Tháng 4/2022: Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

**Đại diện phần vốn:** Không có





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Chen Zoey	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Chen Ding	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Shi, Yan - Yang	Thành viên Ban kiểm soát



#### **BÀ CHEN ZOEY**

**Chức vụ:** Trưởng Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1998

**Quốc tịch:** Đài Loan

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân khoa học, Đại học Thanh Hoa, Đài Loan

**Quá trình công tác:**

2017-2018: Nghiên cứu tài chính  
 2018-2021: Khảo sát viên sinh thái về tôm cá ở các suối Đài Loan  
 2020-2022: Nhiếp ảnh gia tự do  
 Tháng 4/2022: Trưởng Ban kiểm soát Công nghiệp Gốm sứ Taicera

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:**

Không có

**Đại diện phần vốn:** không có



#### **ÔNG CHEN DING**

**Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1967

**Quốc tịch:** Trung Quốc

**Trình độ chuyên môn:**

Kế toán

**Quá trình công tác:**

Tháng 4/1998 - Tháng 6/2003: Giám đốc Tài chính Công ty hữu hạn vật dụng  
 Tháng 7/2003-Tháng 7/2009: TV BKS nhiệm kỳ I & II Công ty CPHH thiết bị vệ sinh Seagull Quảng Châu  
 Tháng 8/2009-Tháng 12/2011: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III Công ty CPHH thiết bị vệ sinh Seagull Quảng Châu  
 Tháng 7/2012-Tháng 8/2014: Trưởng BKS Beijing Futai Gejibu Company Limited  
 Tháng 4/2022 - Nay: Thành viên BKS CTCP Công nghiệp Gốm sứ Taicera  
**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần  
**Đại diện phần vốn:** 0 cổ phần



#### **BÀ SHI, YAN-YANG**

**Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1973

**Quốc tịch:** Trung Quốc

**Trình độ chuyên môn:**

Kiểm toán, thuế

**Quá trình công tác:**

Tháng 12/2015 - Tháng 8/2016: Giám đốc Tài chính Zhuhai Edison Smart Home Co., Ltd.  
 Tháng 4/2022 - Nay: Thành viên BKS Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera  
**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần  
**Đại diện phần vốn:** 0 cổ phần



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Tổng Giám đốc (Tính đến 31/03/2023)

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Long Gen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Chen Ping Sheng	Kế toán trưởng

(\*) Sơ yếu lý lịch Ông Long Gen xem chi tiết tại phần thông tin Hội đồng quản trị



### ÔNG CHENG PING SHENG

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Taiwan

**Trình độ chuyên môn:** Quản lý tài chính

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

**Đại diện phần vốn:** 0 cổ phần

### Những thay đổi của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022:

Trong năm 2022, Công ty không có sự thay đổi nào trong Ban Tổng Giám đốc.

Ngày 09/03/2023, Hội đồng quản trị có quyết định bổ nhiệm Ông Long Gen giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 16/03/2023.

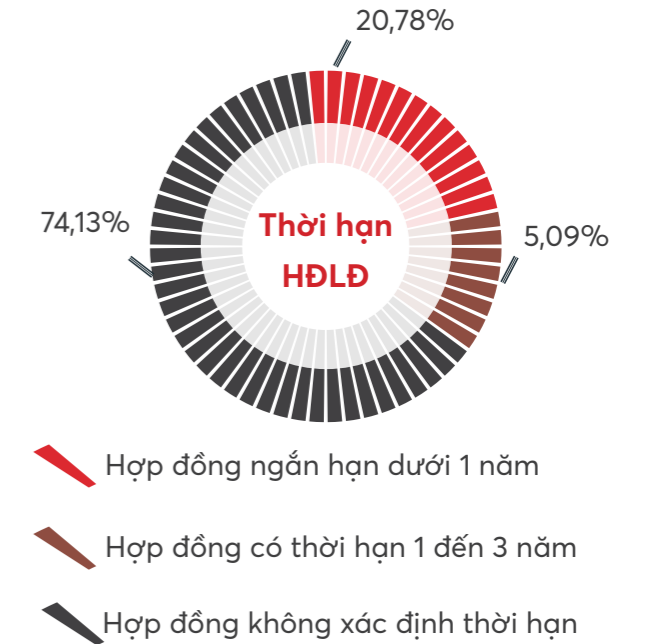
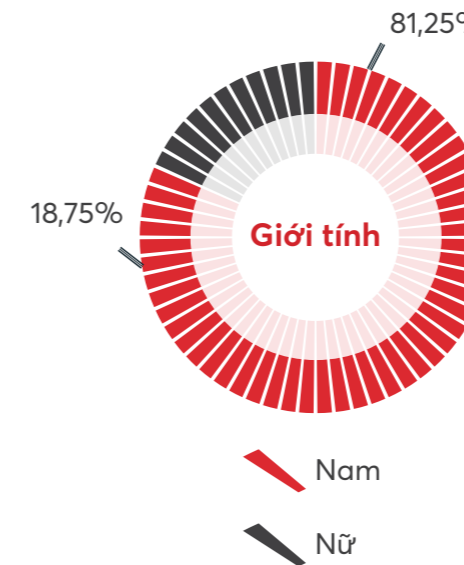
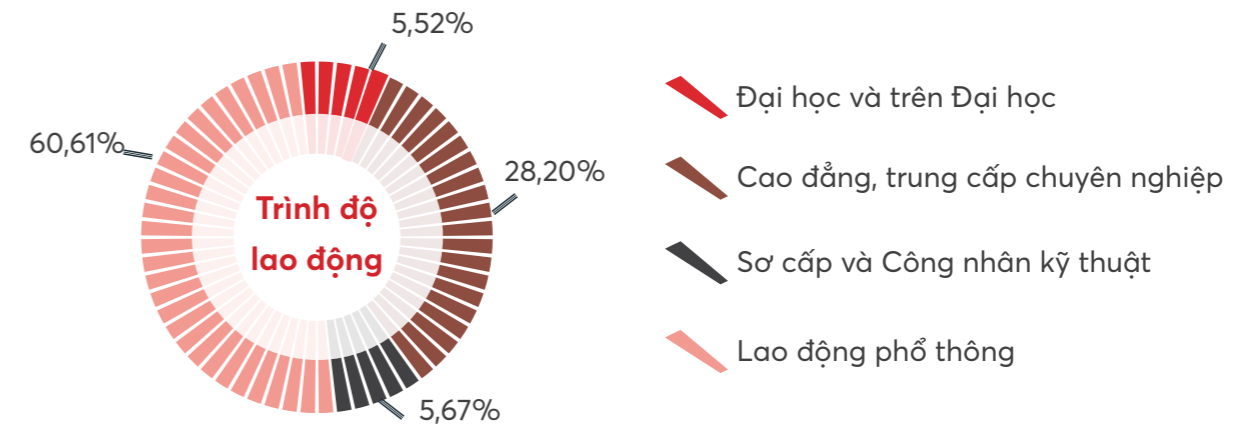




## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên (Tính đến 31/12/2022)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A Theo trình độ lao động</b>			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	38	5,52%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	194	28,20%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	39	5,67%
4	Lao động phổ thông	417	60,61%
<b>B Theo giới tính</b>			
1	Nam	559	81,25%
2	Nữ	129	18,75%
<b>C Theo thời hạn hợp đồng lao động</b>			
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	143	20,78%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	35	5,09%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	510	74,13%
<b>Tổng cộng</b>		<b>688</b>	<b>100%</b>



### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Số lượng người lao động (người)	879	825	716	688
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.307.132	11.571.537	14.321.184	15.452.357



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### Công tác đào tạo

Taicera coi nhân lực là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững của công ty. Vì thế, công ty luôn khuyến khích nhân viên không ngừng học hỏi, trau dồi kỹ năng mềm để hỗ trợ cho công việc. Ngoài ra, công ty cũng áp dụng các chính sách khen thưởng và khuyến khích nhân viên đóng góp ý kiến trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nhiều cơ hội thăng tiến cho người lao động. Từ đó, Taicera đã xây dựng được mối quan hệ lâu dài với nhân viên, giữ chân được các tài năng trong công ty và ít có sự thay đổi lớn về nhân sự trong nhiều năm qua.

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Taicera luôn đảm bảo thực hiện tốt các quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế như: nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản... Công ty luôn cố gắng theo sát tiến độ làm việc của nhân viên để đảm bảo công bằng, công khai trong mọi chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả làm việc cụ thể như sau

### Ngày nghỉ và ngày phép

- Các chế độ nghỉ bệnh – nghỉ phép – nghỉ việc đúng như luật định
- Nhân viên làm việc từ xa, thời gian biểu linh động, tăng số lượng ngày phép năm hưởng nguyên lương, ngày nghỉ lễ dài hơn quy định, tăng ngày phép theo thâm niên làm việc...



**"Chính sách nhân sự"**



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### Chính sách tiền lương

- Lương cơ bản theo từng cấp bậc và vị trí đảm nhiệm.
- Phụ cấp tùy từng vị trí và đặc thù công việc.
- Lương KPI theo kết quả và hiệu suất công việc đánh giá hằng tháng.
- Thưởng theo thành tích của cá nhân/ nhóm/ phòng ban thực hiện công việc/ dự án.
- Thưởng lương tháng thứ 13 tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Thưởng các dịp đặc biệt hoặc các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt thưởng vào các dịp kỷ niệm nội bộ của Công ty.
- Thưởng các dịp sinh nhật, cưới hỏi, sinh con, Quốc tế thiếu nhi,...
- Động viên và gửi thăm viếng các trường hợp ốm đau, ma chay, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

### Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

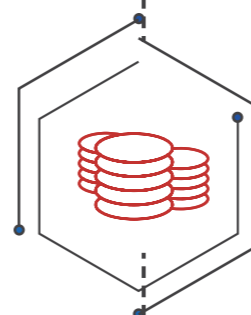
- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên
- Khám sức khỏe định kỳ

### Lợi ích phụ trợ

- Phụ cấp ăn trưa,
- Xăng xe, điện thoại,
- Quà tặng sinh nhật – hiếu hỷ – ma chay,
- Các chuyến du lịch hằng năm, chương trình teambuilding,
- Chính sách công tác phí...

### Hoạt động Thể Thao – Giải Trí

Thường xuyên tạo ra sân chơi giúp nhân viên giải tỏa căng thẳng, Khuyến khích rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao hay các hoạt động trên trang thông tin nội bộ cũng được tạo ra để giúp nhân viên giải trí.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2022 công ty không thực hiện dự án mới



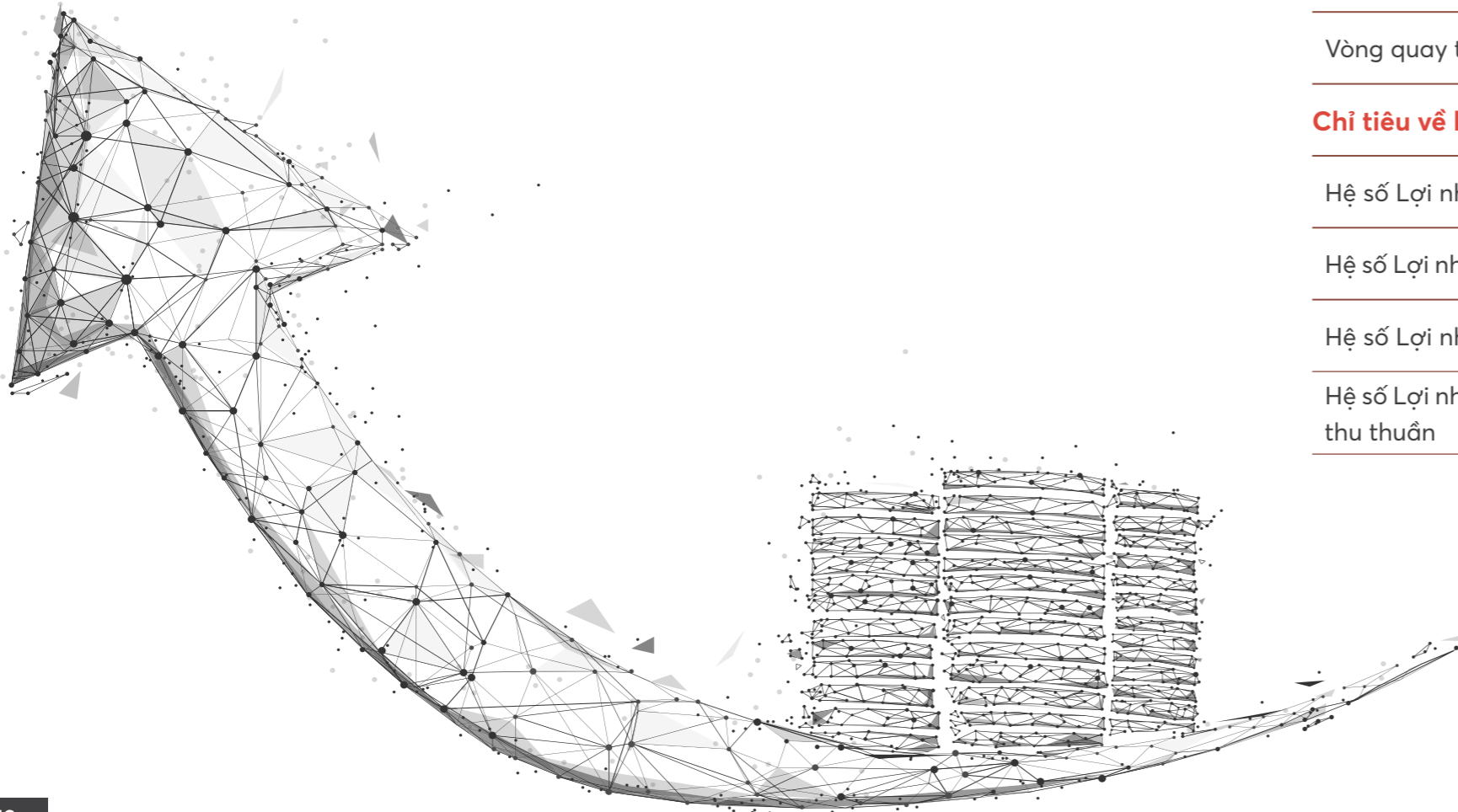


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

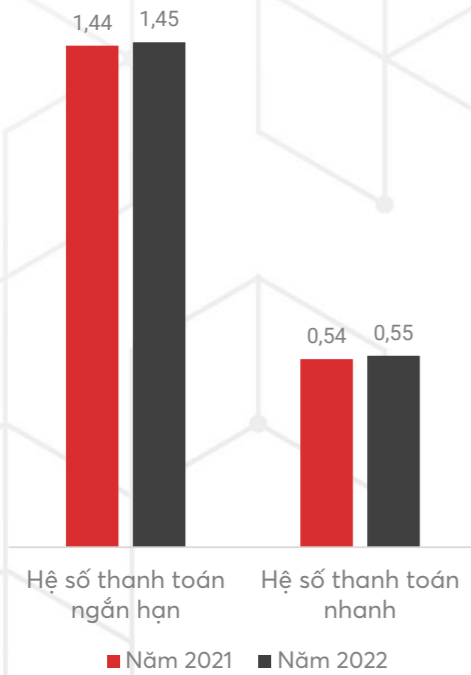
STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	977.330	943.637	96,55%
2	Doanh thu thuần	934.630	1.098.009	117,48%
3	Giá vốn hàng bán	764.733	938.182	122,68%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.934	-8.888	-112,02%
5	Lợi nhuận khác	2.613	12.474	477,38%
6	Lợi nhuận trước thuế	10.547	3.586	34,00%
7	Lợi nhuận sau thuế	10.547	984	9,33%



### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,44	1,45
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,55
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,86%	50,28%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	107,73%	101,11%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,85	2,15
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,99	1,14
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	1,13%	0,09%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,45%	0,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,11%	0,10%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,85%	-

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



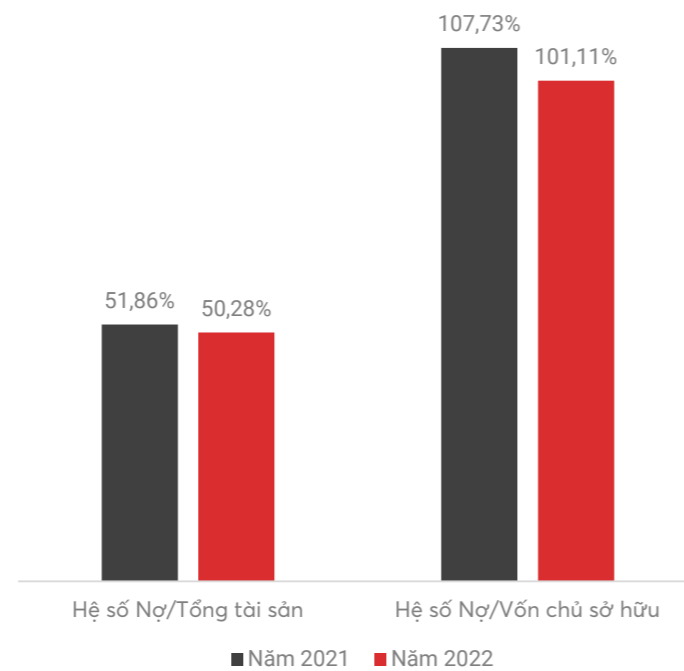
Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là một chỉ số quan trọng để đánh giá khả năng thanh toán của công ty trong tương lai gần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2022, cho thấy công ty có sự cải thiện đáng kể trong khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của mình.

Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh của Taicera trong năm 2022 chỉ biến động nhẹ, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,44 lần năm 2021 lên 1,45 lần năm 2022 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,54 lần năm 2021 lên 0,55 lần năm 2022. Trong năm Công ty đã quyết toán với Công

ty TNHH CN Nội thất Hải Âu VN 5.600 triệu đồng giúp khoản người mua trả tiền trước giảm xuống còn 19.716 triệu đồng năm 2022 và giảm 68,73% so với năm 2021 và chi phí trả trước ngắn của Công ty giảm 39,95% với năm 2022. Theo đó, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt ở mức 680.777 triệu đồng, 468.897 triệu đồng, đồng thời dự trữ hàng tồn kho trong năm cũng giảm tương ứng.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

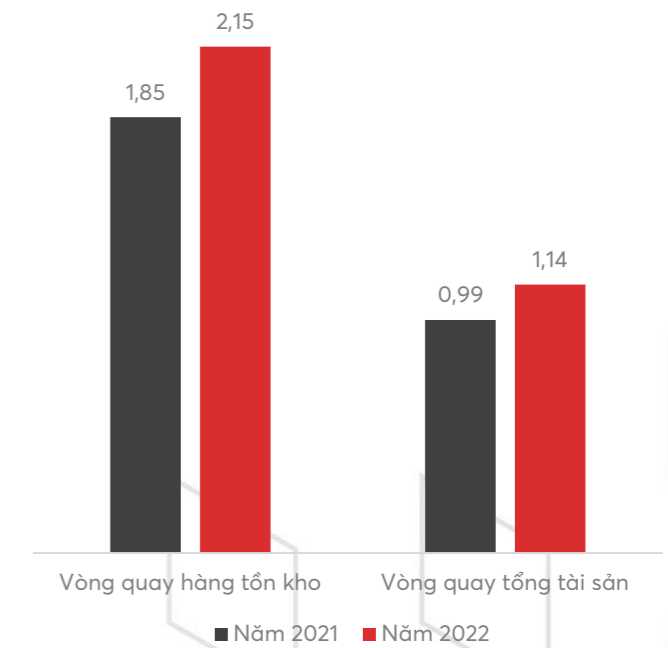
Hệ số nợ/tổng tài sản và Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Taicera trong năm đều giảm, lần lượt đạt ở mức 50,28% và 101,11%. Trong năm 2022, Công ty thực hiện quyết toán tiền bán hàng, các khoản trả trước đối với Công ty TNHH CN Nội thất Hải Âu VN và thu hồi các khoản phải thu trong ngắn hạn đối với các khách hàng như Peylefu International, Công ty Cổ phần Hanel Mirolin làm cho tổng tài sản ở mức 943.636 triệu đồng, giảm 3,45%. Đồng thời, khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn cũng được quyết toán thành doanh thu của Công ty giúp



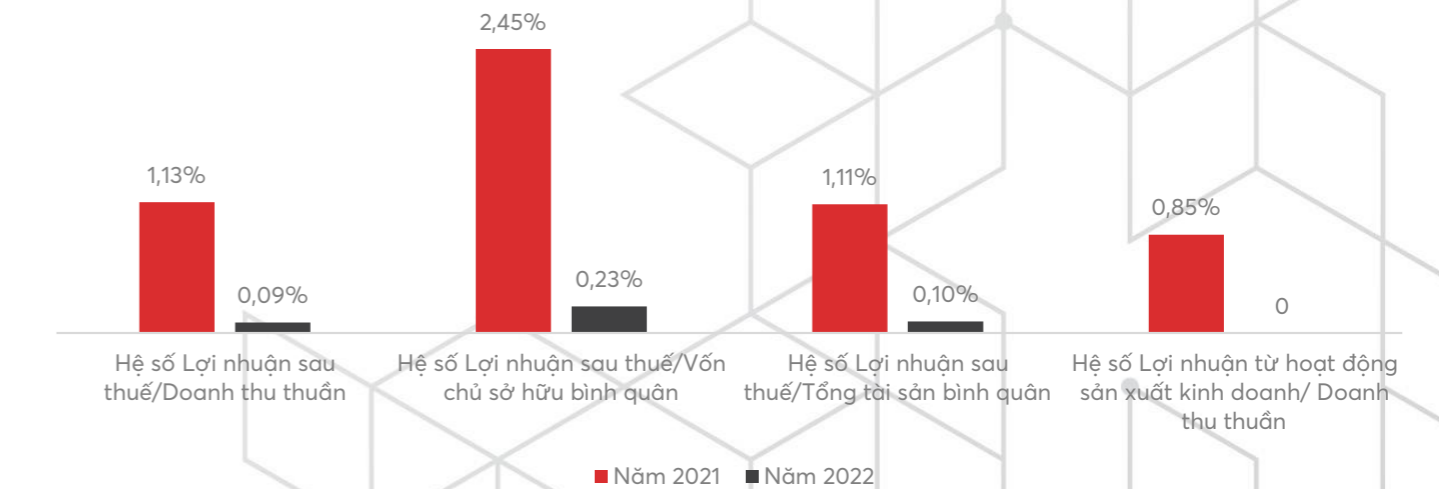
cho nợ phải trả tại 31/12/2022 ở mức 474.415 triệu đồng và vốn chủ sở hữu của Taicera chỉ biến động nhẹ, không đáng kể.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động của Công ty được thể hiện lần lượt qua chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản. Năm 2022, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản của Công ty đều tăng trưởng và lần lượt ở mức 2,15 vòng và 1,14 vòng. Giá vốn hàng bán trong năm của Taicera tăng tương ứng với doanh thu của công ty đồng thời trong năm công ty đầu tư 1.500.000 USD thành lập Xưởng gia công Khử sắt, ổn định nguồn và chất lượng nguyên liệu và hạn chế tích trữ hàng tồn kho. Bên cạnh đó, công ty đã quyết toán các khoản trả trước của khách hàng giúp cho doanh thu đạt mức 1.106 triệu đồng và tăng 17,22% so với năm 2021.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Mặc dù sản lượng sản xuất và kinh doanh trong và ngoài nước của Taicera vẫn đem lại hiệu quả, tuy nhiên do tác động của lạm phát và chiến tranh Ukraine – Nga làm đứt gãy chuỗi cung ứng khiến cho giá vốn hàng bán tăng đột biến, đồng thời chênh lệch tỷ giá đã làm cho Công ty không đem lại Lợi nhuận trong năm 2022. Chính vì vậy các giá trị doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đều giảm và lần lượt ở mức 1.106 tỷ đồng, -8 tỷ đồng, 3,5 tỷ đồng và 0,98 tỷ đồng làm cho các hệ số về khả năng sinh lời đồng loạt giảm đáng kể.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



### Cơ cấu cổ đông (Căn cứ danh sách cổ đông gần nhất tại 31/12/2022)

Công ty Taicera có 45.432.836 cổ phần bao gồm: 35.037.246 cổ phần chưa niêm yết và 10.365.590 cổ phần đã niêm yết.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	5.285.080	52.850.800.000	11,63%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	0%
2	Cá nhân	5.115.738	51.157.380.000	11,25%
3	Tổ chức	169.342	1.693.420.000	0,37%
II	Cổ phiếu quỹ	7.694	76.940.000	0,02%
III	Cổ đông nước ngoài	33.071.805	330.718.050.000	72,79%
1	Cá nhân	5.137.331	51.373.310.000	11,31%
2	Tổ chức	33.694.582	336.945.820.000	74,16%
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>		<b>45.432.836</b>	<b>454.328.360.000</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông lớn (Căn cứ danh sách cổ đông gần nhất tại 31/12/2022)

TT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Charmstar Bussiness Corporation	Simmomds Building, Wickhams Cay 1 P.O.Box 961, Road Town, Tortola, british virgin islands	7.658.268	16,86%
2	Union Time Enterprise Limited	5/F, Two Chinachem Plaza, 135 Des Voeux Road Central, Hong Kong	13.265.600	29,20%
3	Sun Talent Limited	4F., The Chinese Club BLDG., NOS. 21-22 Connaught Road Central, Hong Kong, China	10.109.594	22,25%
4	Tcrown Co., Ltd.	1F., No.5, DEKK House, De Zippora St., Providence Industrial Estate, Mahe, Republic of Seychelles	2.328.508	5,13%







## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2022, Taicera không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### Báo cáo quá trình tăng vốn từ khi thành lập đến nay

2006



Vốn điều lệ:  
49.690.000.000 đồng  
Hình thức:  
Vốn điều lệ chào bán  
ra công chúng lần  
đầu tiên

2007



Vốn điều lệ tăng  
thêm:  
35.968.310.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ  
bằng Phát hành cổ  
phiếu trả cổ tức 2006

2008



Vốn điều lệ tăng  
thêm:  
20.142.200.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ  
bằng Phát hành cổ  
phiếu trả cổ tức 2007

2009



Vốn điều lệ tăng  
thêm:  
14.233.520.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ  
bằng Phát hành cổ  
phiếu trả cổ tức 2008

2010



Vốn điều lệ tăng  
thêm:  
14.802.460.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ  
bằng Phát hành cổ  
phiếu trả cổ tức 2009

2011



Vốn điều lệ tăng  
thêm:  
23.091.170.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ  
bằng Phát hành cổ  
phiếu trả cổ tức 2010





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Báo cáo quá trình tăng vốn từ khi thành lập đến nay (tiếp theo)

2012



Vốn điều lệ tăng thêm:  
24.475.870.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ bằng Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2011

2013



Vốn điều lệ tăng thêm:  
12.971.810.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ bằng Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2012

2016



Vốn điều lệ tăng thêm:  
8.907.080.000 đồng  
Hình thức:  
Tăng vốn điều lệ bằng Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015

VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)  
SAU CÁC ĐỢT TĂNG VỐN

454.328.360.000

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc kiểm soát phát thải nhà kính với sự nóng lên toàn cầu, thiết lập hệ thống thống kê về phát thải nhà kính, kiểm soát và cải thiện lượng phát thải nhà kính trong nhà máy sản xuất. Taicera đã ban hành một số quy định về nội bộ để đảm bảo công tác kiểm soát phát thải nhà kính ảnh hưởng đến khí hậu.

- Bộ phận thu mua: Mua năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng bị tiêu hao không cần thiết đồng thời tính toán và kiểm soát phát thải CO<sub>2</sub>
- Bộ phận kỹ thuật bảo trì: Phụ trách chế độ quản lý năng lượng và đo lường năng lượng sử dụng.
- Toàn thể nhân viên tại Công ty: Khuyến khích mỗi người ở bàn làm việc cần có 1 cây xanh nhỏ để bàn có khả năng hấp thụ CO<sub>2</sub>, giúp quá trình hô hấp được tốt hơn và tinh thần tươi tỉnh thoải mái, tăng hiệu quả làm việc
- Xe nâng dầu trong công ty đã được chuyển sang sử dụng xe nâng điện 50%. Mục tiêu sắp tới sẽ thay hoàn đổi hoàn toàn sang xe nâng điện, nhằm giảm lượng dầu DO sử dụng và giảm phát thải CO<sub>2</sub> từ phát thải do sử dụng dầu DO.
- Kiểm soát chặt chẽ và giảm lượng xe máy, xe NCU khách hàng lưu thông trong toàn công ty, nhằm giảm phát thải CO<sub>2</sub> từ các phương tiện di chuyển đi lại.
- Chuyển đổi năng lượng điện EVN lưới điện nhà nước sang điện năng lượng mặt trời. Công ty đã và đang được thực hiện lên kế hoạch liên kết với NCU khảo sát và lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời, nhằm chuyển đổi năng lượng xanh giảm phát thải khí CO<sub>2</sub>

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là công ty chuyên sản xuất và kinh doanh gạch men, Taicera đánh giá rằng việc quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào là một công việc rất quan trọng và được xem là ưu tiên hàng đầu. Công ty luôn tập trung vào việc xây dựng chính sách kiểm soát và thu mua nguyên vật liệu, đây được coi là một trong những chiến lược quan trọng của công ty trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Hằng năm, công ty đề ra kế hoạch mua nguyên liệu đầu vào phù hợp với kế hoạch sản xuất và tìm kiếm các đơn vị cung cấp nguyên liệu đầu vào với mức giá hợp lý và chất lượng đảm bảo, nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó cải thiện giá thành sản phẩm để cạnh tranh hơn trên thị trường.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng là nguồn tài nguyên rất quan trọng đối với mọi hoạt động kinh doanh và đời sống hiện đại. Tuy nhiên, việc sử dụng quá mức nguồn năng lượng sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng, bao gồm khí thải và ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh gạch men của Taicera tiêu tốn lượng lớn nhiên liệu như khí tự nhiên, khí hóa lỏng LPG, .. Do đó, Công ty đã cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng khí tự nhiên là nguồn cung năng lượng phục vụ sản xuất kinh doanh của Taicera dựa trên yếu tố biến động của thị trường và sự ổn định của giá nguyên liệu này. Đây được xem là hướng đi đúng đắn trước tình hình giá cả xăng, dầu, khí LPG ngày một tăng và khó dự đoán.

Việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn năng lượng không chỉ hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường mà còn giảm thiểu chi phí cho Công ty, để giảm lượng điện tiêu thụ.

Loại điện sử dụng	Lượng điện (MWh/năm)	Số liệu CO <sub>2</sub>	Lượng CO <sub>2</sub> từ NLMT giảm được so với lưới điện EVN sử dụng tại Công ty
Điện công ty	33.000 MWh/năm	CO <sub>2</sub> Thải ra = 26,535.3 tCO <sub>2</sub> /MWh	
Điện năng lượng mặt trời, công suất lắp đặt khảo sát theo thực tế tại công ty	4.309 MWh/năm	CO <sub>2</sub> Giảm = 3,513 tCO <sub>2</sub>	13%

\*Số liệu tính toán ước chừng mang tính chất tham khảo, dựa vào hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam quy đổi của cục biến đổi khí hậu năm 2021 = 0,8041 tCO<sub>2</sub>/MWh





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với vai trò là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh gạch men. Taicera ý thức được tầm quan trọng của mình trong công tác tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như xây dựng môi trường xanh xung quanh khuôn viên nhà máy, công ty nhằm giúp không khí trong lành, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, khí thải và tuyên truyền cho cán bộ nhân viên trong công ty để cao việc bảo vệ môi trường sống. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào trong quá trình sản xuất, tối ưu hoá năng suất của máy móc nhằm hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường cũng là một mục tiêu Taicera đang hướng đến.



### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Taicera rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng người lao động của Công ty trong năm 2022 duy trì ở mức 688 người với mức lương trung bình đạt 15 triệu đồng/tháng.

Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài bằng việc thực hiện quy chế trả lương và chính sách phúc lợi tuân theo các quy định rõ ràng dựa theo cấp bậc và năng suất làm việc của mỗi nhân viên. Đồng thời thực hiện các chính sách khen thưởng nhân viên đạt thành tích tốt trong công việc. Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm Y tế theo quy định của Bộ Luật lao động.

Tùy từng thời điểm, Công ty có mời một số chuyên gia về quản trị và tài chính đến giảng dạy cho Thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc điều hành và người được ủy quyền công bố thông tin để Ban lãnh đạo cập nhật các thông tin mới nhất và nâng cao khả năng quản trị của mỗi cá nhân.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn nỗ lực tích cực trong việc ủng hộ cộng đồng gặp khó khăn như thiên tai, bão lụt, và xâm nhập chất độc da cam Dioxin, hỗ trợ các quỹ đền ơn đáp nghĩa, gia đình chính sách, và gây quỹ vì người nghèo. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tổ chức thăm hỏi và động viên các cán bộ nhân viên đang gặp khó khăn.

Xây dựng môi trường làm việc an toàn, không gây hại đến sức khỏe và tính mạng của người lao động, đối tác, và khách hàng cũng như bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất và phân phối nước sạch của chúng tôi. Tất cả các hoạt động này phản ánh tinh thần trách nhiệm xã hội của công ty trong việc bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn cho sức khỏe của cộng đồng.





3

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022 Công ty đối mặt với nhiều thách thức trong nền kinh tế do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và xung đột Ukraine-Nga. Các yếu tố này gây ra nhiều khó khăn và thử thách cho hoạt động kinh doanh của Taicera. Tuy nhiên, Ban điều hành của công ty đã có chủ động trong việc theo dõi thị trường và đưa ra các giải pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, Taicera đã gặp phải một số thuận lợi và khó khăn như:

#### Thuận lợi

- Chuyển đổi thành công phương án phát triển và quảng bá sản phẩm thông qua hội nghị trực tuyến, quảng cáo trên internet, tạo dựng nền tảng trao đổi tương tác với khách hàng.
- Việc chuyển sang hệ thống tiêu thụ trực tuyến nhận được phản ứng tích cực từ các đối tác khách hàng
- Với thế mạnh gần các cửa sông, cửa biển Taicera đã chuyển sang sử dụng khí tự nhiên để phục vụ hoạt động sản xuất gạch men, tiết kiệm được phần lớn chi phí sản xuất và dễ dàng quản lý chi phí này do giá khí thiên nhiên không có quá nhiều biến động.
- Hoàn thành xưởng gia công khử sắt, ổn định nguồn và chất lượng nguyên liệu đầu vào.

#### Khó khăn

- Tất cả các hoạt động triển lãm gặp gỡ và giới thiệu các mặt hàng của Taicera đến với khách hàng trong và ngoài nước đều phải tạm dừng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Các cuộc triển lãm gạch men Bologna của Italia, triển lãm Coverring của Mỹ; triển lãm Vietbuild ở Việt Nam là nơi để Taicera quảng bá sản phẩm cũng như thương hiệu của mình.
- Chiến tranh Ukraine – Nga bùng nổ gây đứt gãy chuỗi cung ứng trên toàn cầu, làm cho chi phí năng lượng tăng cao ( đây là nguồn năng lượng quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh gạch men của taicera)
- Là ngành phụ trợ của ngành xây dựng, trong năm 2022 ngành xây dựng trong nước gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện xin phép các dự án mới cũng như vay vốn để đầu tư phát triển. Kéo theo đó, hoạt động kinh doanh của Taicera cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng





## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

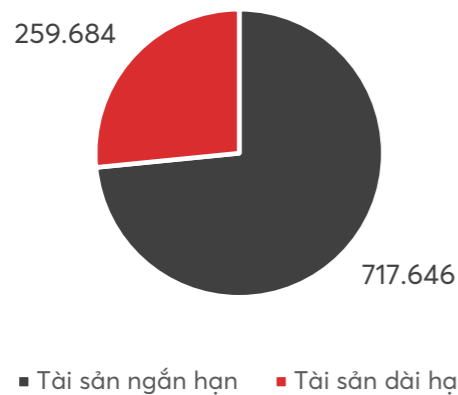
#### Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu Đồng

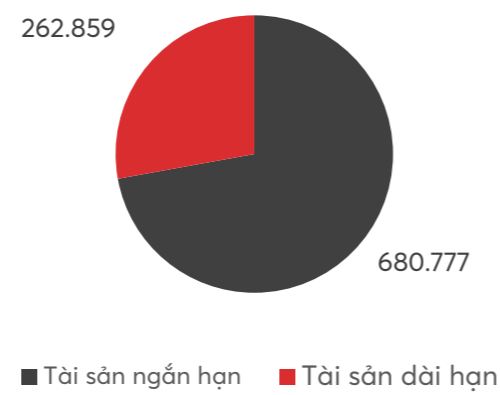
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	717.646	680.777	94,86%	73,4%	72,1%
Tài sản dài hạn	259.684	262.859	101,22%	26,6%	27,9%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>977.330</b>	<b>943.636</b>	<b>96,55%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu tài sản của Taicera gần như không có sự biến động trong năm 2022, tài sản ngắn hạn và giảm so với năm 2021 đạt 94,86% và tài sản dài hạn tăng nhẹ so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do Taicera đã quyết các khoản phải trả trước cho người bán đồng thời thu tiền đối với một số khách hàng còn tồn đọng trong năm cũ.

Năm 2021



Năm 2022



Biểu đồ thể hiện cơ cấu tài sản năm 2021 & 2022

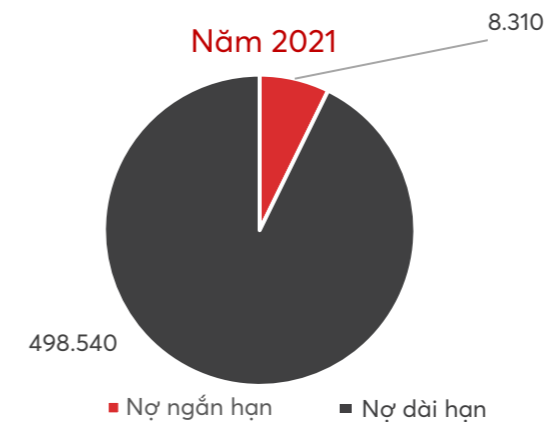
#### Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu Đồng

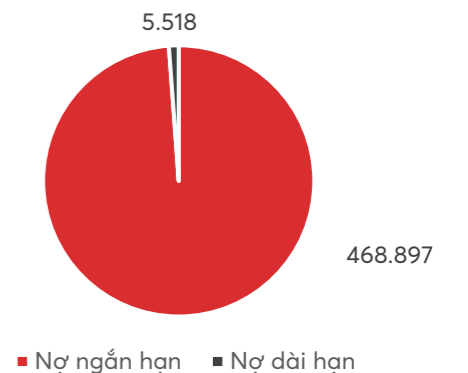
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	498.540	468.897	94,05%	98,36%	98,84%
Nợ dài hạn	8.310	5.518	66,40%	1,64%	1,16%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>506.850</b>	<b>474.415</b>	<b>93,60%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Hoạt động của Taicera chủ yếu là sản xuất và kinh doanh gạch men, nên cơ cấu nợ phải trả của Công ty phù hợp với tình hình sử dụng vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong năm 2022, Taicera đã thực hiện quyết toán các khoản phải trả đối với Công ty TNHH CN Nội thất Hải Âu VN giúp cho nợ ngắn hạn ở mức 474.415 triệu đồng, đạt 94,05% so với năm 2021 đồng thời Taicera đã thanh toán 2.792 triệu đồng nợ ngân hàng Shanghai Đồng Nai giúp cho Nợ dài hạn giảm tương ứng. Nhìn chung cơ cấu nợ phải trả của Công ty hầu như không có sự biến động.

Năm 2021



Năm 2022



Biểu đồ thể hiện cơ cấu nợ phải trả năm 2021 & 2022



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động cải cách nhằm nâng cao chất lượng quản lý, khai thác thế mạnh của mình đem lại hiệu quả kinh doanh bao gồm:



Chuyển đổi việc quản lý tiêu thụ, Taicera tổ chức tiêu thụ trực tiếp phục vụ khách hàng, tăng số lượng khách hàng và các công trình quy mô lớn do Công ty trực tiếp kiểm soát thay vì tiêu thụ sản phẩm thông qua đại lý;



Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời trên các mái nhà xưởng, hưởng ứng yêu cầu năng lượng quốc tế, giảm thải khí carbon;



Hiện nay công ty đang tiến hành thông tin hóa toàn diện, từ khâu khách hàng đặt hàng > kế hoạch sản xuất > thu mua > sản xuất > quản lý chất lượng > kho bãi > xuất hàng cho khách hàng, đều xử lý trên hệ thống thông tin vi tính. Những cải tiến này có thể giúp công ty xử lý bất kỳ các vấn đề một cách hiệu quả, để sản phẩm và sự phục vụ của công ty không chỉ có sức cạnh tranh ở trong nước Việt Nam, mà còn trên toàn thế giới.

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong các công tác:

- Đầu tư 500.000 USD cho dự án Lò xích dùng gỗ vụn thay thế gas, giảm lượng gas sử dụng trong quá trình sấy phun.
- Đầu tư 1.000.000 USD vào Xưởng 3 để đấu nối trực tiếp từ lò sấy vào lò nung, giảm thiểu hư hại.
- Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời trên các mái nhà xưởng, hưởng ứng yêu cầu năng lượng quốc tế, giảm thải khí carbon.

### GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

#### Trách nhiệm về môi trường

Từ những ngày đầu thành lập Công ty, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Taicera đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên hàng đầu. Với hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh gạch men, Taicera ý thức được tầm quan trọng của mình nên Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Sử dụng nguồn nước hợp lý, chấp hành các quy định nhằm bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn xả thải. Áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào trong quá trình sản xuất, loại bỏ công nghệ lạc hậu để giảm thiểu hao phí nguồn tài nguyên thiên nhiên (nước, nhiên liệu) trong quá trình sản xuất.

#### Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội

Taicera luôn thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương tại địa bàn kinh doanh, củng cố góp phần xây dựng xã hội ngày một phát triển hơn. Các chính sách trong việc ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, xây dựng các quỹ khuyến học, ủng hộ kinh phí xây trường học cho các xã nghèo vùng sâu vùng xa, ủng hộ gây quỹ vì người nghèo, xây dựng mái ấm Công đoàn, thăm hỏi và giúp đỡ các cán bộ nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn... thường xuyên được Công ty thực hiện tích cực. Công ty luôn cam kết và có trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương.





# 4

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022 Ban lãnh đạo của Công ty đã nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

#### Về mặt sản xuất

- Nhằm đáp ứng nhu cầu tinh giản lưu trình sản xuất và tinh giản nhân lực, tháng 3 năm 2022 Taicera đã đầu tư 1.000.000USD dời dây chuyền mài cạnh của xưởng Mỹ Xuân qua Xưởng 2 để trực tiếp mài cạnh, đóng gói ra thành phẩm trực tiếp nhập kho, nhờ đó giảm được nhân lực và chi phí vận chuyển
- Để sản xuất ra những sản phẩm cao cấp, công ty vốn dĩ phải nhập khoảng 40% lượng Felspa từ miền Bắc hoặc nhập khẩu từ nước ngoài. Theo đó, để ứng phó với sự tăng giá không ngừng của nguyên liệu, công ty đầu tư 1.500.000 USD thành lập Xưởng gia công Khử sắt nhằm ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng nguyên liệu. Vào tháng 7 năm 2022 đã đưa vào sản xuất, giúp giá thành của lượng lớn đá Felspat giảm khoảng 50% và mỗi tháng tiết kiệm khoảng 100,000USD đồng thời nguồn hàng ổn định không cần phải dự trữ số lượng lớn nguyên liệu.
- Nước thải từ dây chuyền mài cạnh Xưởng 2 và nước thải sau khi Khử sắt được kết hợp xử lý, tiết kiệm không ít chi phí xử lý nước thải. Vì thế đem lại cho Taicera càng nhiều hiệu ích



#### Về mặt kinh doanh

- Triển khai mô hình tiêu thụ trực tuyến và quảng bá sản phẩm thông qua thông qua các hội nghị trực tuyến, quảng cáo trên internet, tạo dựng nền tảng trao đổi tương tác với khách hàng.
- Mở rộng kênh tiêu thụ trực tuyến song song với kênh bán hàng truyền thống
- Quản lý việc tiêu thụ trực tiếp phục vụ khách hàng và quản lý các công trình quy mô lớn
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN

#### ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong năm 2022, mặc dù nền kinh tế toàn cầu đang gặp khó khăn, nhưng Ban điều hành đã hiệu quả quản lý Taicera chi phí và đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản bá, tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, khuyến khích nhân viên cải thiện kỹ năng và kiến thức chuyên môn.



Public Project: Office-Reception

### CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Về mặt sản xuất

- Đầu tư 500.000 USD cho dự án Lò xích dùng gỗ vụn thay thế gas, giảm lượng gas sử dụng trong quá trình sấy phun.
- Đầu tư 1.000.000 USD vào Xưởng 3 để đấu nối trực tiếp từ lò sấy vào lò nung, giảm thiểu hư hại.
- Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời trên các mái nhà xưởng, hưởng ứng yêu cầu năng lượng quốc tế, giảm thải khí carbon.
- Đẩy mạnh tiến hành thông tin hóa toàn diện, từ khâu khách hàng đặt hàng > kế hoạch sản xuất > thu mua > sản xuất > quản lý chất lượng > kho bãi > xuất hàng cho khách hàng, đều xử lý trên hệ thống thông tin vi tính.

#### Về mặt kinh doanh

- Tham gia triển lãm gạch men quy mô lớn nhất thế giới hàng năm Bologna tại Italia và triển lãm Covering tại Mỹ. Hơn nữa ở Việt Nam cũng tích cực quy hoạch tham gia triển lãm Vietbuild tại Hà Nội và TP HCM.
- Chuyên tâm kinh doanh nhãn hiệu Taicera, không ngừng phát triển sản phẩm mới, thay đổi kết cấu sản phẩm. Quy cách gạch có 60\*30 cm, 60\*60 cm, 60\*120cm, gạch in phun hoa văn dày 2cm; gạch in phun hoa văn 60\*120 cm, 90\*90 cm và gạch vân gỗ 20\*120 cm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao biên lợi nhuận gộp, giữ vị trí tiên phong trên thị trường Việt Nam
- Tiếp tục chuyển đổi mô hình quản lý thông qua đại lý bằng hình thức trực tiếp quản lý phân phối sản phẩm và trao đổi với khách hàng



A glowing lightbulb is the central focus, set against a background of various hand-drawn business diagrams, charts, and mathematical formulas. A large red diamond shape with a white border is overlaid on the right side of the image, containing a white number '5'.

5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Thông tin về lý lịch thành viên Hội đồng quản trị xem tại Phần TỔ CHỨC NHÂN SỰ

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

#### Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Chen Cheng Jen	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Ông Chen Jo Yuan	Thành viên HĐQT	4/4	100%
3	Ông Tang Tai Ying	Thành viên HĐQT	4/4	100%
4	Ông Long Gen	Thành viên HĐQT	4/4	100%
5	Ông Wang, Jui-Chuan	Thành viên HĐQT	4/4	100%
6	Ông Ding Zong Min	Thành viên HĐQT	4/4	100%

#### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp với nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Tại cuộc họp lần I-2022	20/03/2022	Nhất trí thông qua Kế hoạch dự toán Công ty cho năm tài chính 2022  Nhất trí thông quan BCTC năm 2021 đã được kiểm bởi Công ty kiểm toán AASCs  Nhất trí thông qua nội dung các tờ trình sẽ báo cáo thông qua trên ĐHĐCĐ thường niên 2022 sắp tới  Nhất trí thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022
2	Tại cuộc họp lần II-2022	19/05/2022	Nhất trí thông qua ông Chen Cheng Jen giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và bà Chen Zoey làm Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027
3	Tại cuộc họp lần III-2022	20/10/2022	Nhất trí thông qua các báo cáo tài chính 9 tháng năm 2022
4	Tại cuộc họp lần IV-2022	15/12/2022	Nhất trí thông qua ông Chen Ping Sheng giữ chức vụ Kế toán trưởng, đồng thời miễn nhiệm ông Chang Chia Hsing thôi giữ chức vụ kế toán trưởng, kể từ ngày 15/12/2022



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### BAN KIỂM SOÁT

#### Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

Thông tin về lý lịch thành viên Ban kiểm soát xem tại Phần TỔ CHỨC NHÂN SỰ

#### Hoạt động của Ban kiểm soát

##### Đối với Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường vụ bốn (04) lần trong năm 2022 để nắm bắt tình hình quản trị công ty của Tổng Giám đốc điều hành và tiến độ thực thi các mục tiêu kinh doanh của Công ty, ngoài ra thực hiện kiểm soát tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính để kịp đưa ra chỉ đạo phù hợp nhằm cải thiện tốt hơn. Qua đánh giá, Ban kiểm soát khẳng định Hội đồng quản trị đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc giám sát, đôn đốc và thực hiện hiệu quả các công việc quản lý.

##### Đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc điều hành thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện điều chỉnh kịp thời chiến lược sản xuất và kinh doanh dựa trên mục tiêu kinh doanh dự kiến trong năm 2022, cố gắng nỗ lực hoàn thành tổng thể mục tiêu năm 2022.

Về mặt công tác kế toán: Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm toán.

##### Đối với cổ đông

Quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đều được đảm bảo và tôn trọng, như quyền tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty, báo cáo tài chính, thực hiện quyền cổ đông ...đều được công bố công khai qua Website của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo định kỳ và bất thường.

#### Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp Ban kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Chen Zoey	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
2	Ông Chen Ding	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%
3	Bà Shi, Yan - Yang	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%

#### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Tại cuộc họp lần I-2022	15/03/2022	Nhất trí thông qua các báo cáo tài chính năm 2021
2	Tại cuộc họp lần II-2022	20/07/2022	Nhất trí thông qua các báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đvt: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
<b>I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
Ông Chen Cheng Jen	Chủ tịch HĐQT	45.128.611	761.647.568	61.320.000
Ông Chen Jo Yuan	Thành viên HĐQT	45.128.611	-	-
Ông Tang Tai Ying	Thành viên HĐQT	45.128.611	-	-
Ông Long Gen	Thành viên HĐQT	45.128.611	-	-
Ông Wang, Jui-Chuan	Thành viên HĐQT	45.128.611	-	-
Ông Ding Zong Min	Thành viên HĐQT	45.128.611	-	-
<b>II. BAN KIỂM SOÁT</b>				
Bà Chen Zoey	Trưởng BKS	45.128.611	-	-
Ông Chen Ding	Thành viên BKS	45.128.611	-	-
Ông Shi, Yan - Yang	Thành viên BKS	45.128.611	-	-
<b>III. BAN ĐIỀU HÀNH</b>				
Ông Chen Ping Sheng	Kế Toán Trưởng	-	104.956.000	-

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

**Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Đvt: Đồng

Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	-	Thuê mặt bằng, phí điện, nước	417.221.867
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	-	Phải thu lãi cho vay	602.963.630

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.





## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022 (Hợp nhất)

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chứng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 05 năm 2017; Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười chín, mã số dự án 4336586377, do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai  
Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.

Công ty có hai công ty con như sau:

#### Công ty con

Công ty TNHH Phát Triển Taicera

#### Địa chỉ

Lô C2, Đường D1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, TP. HCM

Công ty TNHH Teknia

247, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.845.947.622 VND (Năm 2021: Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 11.282.152.903 VND).

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 147.687.811.741 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 149.195.294.776 VND).

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch
Ông CHEN JO YUAN	Thành viên
Ông TANG TAI YING	Thành viên
Ông LONG GEN	Thành viên
Ông WANG, JUI-CHUAN	Thành viên
Ông DING ZONG MIN	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông CHEN PING SHENG	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà CHEN ZOEY	Trưởng ban kiểm soát
Ông CHEN DING	Thành viên
Bà SHI, YAN-YANG	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
--------------------	----------------------------

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC


Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2023

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Chen Cheng Jen



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 152/BCKT/TC/2023/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 26 tháng 01 năm 2023 từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



TA QUANG LONG

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ THẢO

Số Giấy CN ĐKHN KT: 2626-2023-142-1

29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942  
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

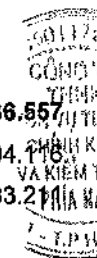
Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>680.777.351.222</b>	<b>717.646.053.037</b>
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.334.430.721	46.846.025.591
111	1. Tiền		53.334.430.721	46.846.025.591
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>168.283.389.925</b>	<b>180.069.436.557</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	129.872.205.569	139.849.704.118
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.785.484.799	12.290.633.211
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	31.072.961.274	28.376.360.947
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(447.261.717)	(447.261.717)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>424.780.888.753</b>	<b>447.809.055.054</b>
141	1. Hàng tồn kho		427.148.193.251	449.284.306.008
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.367.304.498)	(1.475.250.954)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>34.378.641.823</b>	<b>42.921.535.835</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	19.555.245.958	32.563.004.295
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.823.395.865	6.666.310.119
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14		3.692.221.421
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>262.859.238.343</b>	<b>259.683.858.207</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.299.923.005</b>	<b>17.096.635.404</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	5	10.299.923.005	17.096.635.404
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>248.018.388.279</b>	<b>235.195.412.230</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	248.018.388.279	234.976.665.058
222	- Nguyên giá		1.664.282.558.077	1.631.061.526.839
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.416.264.169.798)	(1.396.084.861.781)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	9		218.747.172
228	- Nguyên giá		4.439.021.699	4.607.959.199
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.439.021.699)	(4.389.212.027)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.529.624.456</b>	<b>6.199.869.763</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.529.624.456	6.199.869.763
250	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.011.302.603</b>	<b>1.191.940.810</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.011.302.603	1.191.940.810
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>943.636.589.565</b>	<b>977.329.911.244</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>474.415.090.095</b>	<b>506.849.887.799</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>468.897.273.849</b>	<b>498.539.511.653</b>
311	1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	13	153.694.756.104	128.944.671.217
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		19.716.787.401	63.055.222.865
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	603.938.134	777.011.832
314	4. Phải trả người lao động		15.627.479.363	14.764.304.386
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	18.236.815.549	21.318.076.29
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	905.540.037	6.698.971.078
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	260.111.957.261	262.981.253.884
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.517.816.246</b>	<b>8.310.376.246</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	16	1.330.500.000	1.330.500.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	4.187.316.246	6.979.876.246
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>469.221.499.470</b>	<b>470.480.023.445</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>469.221.499.470</b>	<b>470.480.023.445</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		454.328.360.000	454.328.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		454.328.360.000	454.328.360.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ		(76.940.800)	(76.940.800)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		24.196.853.166	26.885.392.407
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.787.282.994	17.002.905.257
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(147.687.811.741)	(149.195.294.776)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(149.533.759.363)	(160.477.447.679)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.845.947.622	11.282.152.903
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		34.152.795.851	35.014.641.357
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>943.636.589.565</b>	<b>977.329.911.244</b>

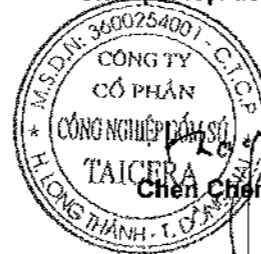
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Đình Tâm

Chen Ping Sheng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2023  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Chen Cheng Jen

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.106.894.928.357	944.249.368.667
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	8.885.435.295	9.619.789.836
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.098.009.493.062	934.629.578.831
11	4. Giá vốn hàng bán	22	938.181.585.295	764.733.215.735
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.827.907.767	169.896.363.046
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	12.030.632.923	3.857.926.172
22	7. Chi phí tài chính	24	31.535.267.456	18.551.133.918
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.700.820.044	12.577.377.385
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
25	9. Chi phí bán hàng	25	101.688.991.345	95.120.132.862
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	47.522.079.617	52.149.263.750
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.887.797.728)	7.933.758.688
31	12. Thu nhập khác	27	13.634.057.028	4.269.095.329
32	13. Chi phí khác	28	1.160.280.166	1.655.652.529
40	14. Lợi nhuận khác		12.473.776.862	2.613.442.800
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.585.979.134	10.547.201.488
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.601.877.018	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		984.102.116	10.547.201.488
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Công ty mẹ		1.845.947.622	11.282.152.903
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(861.845.506)	(734.951.415)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	30	33	248
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

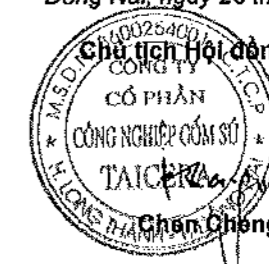
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Đình Tâm

Chen Ping Sheng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2023



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chen Cheng Jen

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	1. Lợi nhuận trước thuế		3.585.979.134	10.547.201.488
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		30.155.081.412	40.238.401.014
03	- Các khoản dự phòng		892.053.544	(4.409.989.695)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.414.252.680)	86.636.004
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(662.430.873)	(400.047.750)
06	- Chi phí lãi vay		11.700.820.044	12.577.377.385
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.257.250.581	58.639.578.446
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		15.293.581.748	(12.703.257.249)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		22.136.112.757	(69.790.833.277)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(29.272.376.626)	86.310.307.942
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		13.188.396.544	(23.443.463.269)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.565.323.172)	(12.781.684.690)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.242.626.091)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		51.795.015.741	26.230.647.953
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(40.321.890.279)	(35.077.148.592)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		626.113.905	320.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		50.395.093	80.047.750
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(39.645.381.281)	(34.677.100.842)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			804.125.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		897.557.490.221	830.969.998.057
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(903.219.346.844)	(869.691.452.887)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.661.856.623)	(37.917.329.830)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.487.777.837	(46.363.782.719)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.846.025.591	93.195.000.841
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		627.293	14.807.489
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	53.334.430.721	46.846.025.591

Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Đình Tâm

Chen Ping Sheng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Chen Cheng Jen

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.  
Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.  
Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.  
Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 05 năm 2017; Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười chín, mã số dự án 4336586377, do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, sản xuất.

#### 1.3 Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

#### 1.4 Tổng số nhân viên: 700 người

#### 1.5 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 1.6 Cấu trúc Nhóm Công ty

Tổng số Công ty con: 02

- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

#### Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

- |                  |  |
|------------------|--|
| ▪ Tên công ty    | : Công ty TNHH Phát Triển Taicera  |
| Địa chỉ          | : Lô C2, Đường D1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, TP. HCM |
| Vốn điều lệ      | : 72.467.193.134 VND   |
| Tỷ lệ lợi ích    | : 51,00%   |
| Tỷ lệ biểu quyết | : 51,00%   |
| ▪ Tên công ty    | : Công ty TNHH Teknia  |
| Địa chỉ          | : 247, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM                              |
| Vốn điều lệ      | : 14.482.440.000 VND   |
| Tỷ lệ lợi ích    | : 100,00%  |
| Tỷ lệ biểu quyết | : 100,00%  |

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### 2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

##### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

##### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 4%
- Máy móc, thiết bị 8% - 16%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Phương tiện vận tải 10%
- Thiết bị công cụ quản lý 12,5%

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
  - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

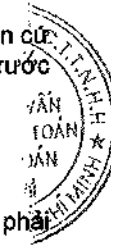
**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
  - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
  - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

**Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
  - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

01172  
CÔNG TY  
T.N.H.  
M.V.U.T.  
CHÍNH Kİ  
KIỂM T  
PHÍA N  
T.P.H

01172  
CÔNG TY  
T.N.H.  
M.V.U.T.  
CHÍNH Kİ  
KIỂM T  
PHÍA N  
T.P.H



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	1.283.597.133	837.482.654
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.050.833.588	46.008.542.937
<b>Cộng</b>	<b>53.334.430.721</b>	<b>46.846.025.591</b>

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022	01/01/2022
- White Horse Ceramic Co.,LTD	15.534.160.897	24.362.039.002
- Cebu Oversea Hardware	6.455.627.398	10.758.819.044
- Peylefu International Co., Ltd		10.463.534.724
- Công ty Cổ phần Hanel Mirolin		2.800.000.000
- Các đối tượng khác	107.882.417.274	91.465.311.346
<b>Cộng</b>	<b>129.872.205.569</b>	<b>139.849.704.116</b>

**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>5.1 Ngắn hạn</b>	<b>31.072.961.274</b>	<b>28.376.360.947</b>
- Tạm ứng cho nhân viên	3.413.627.832	703.991.252
- Phải thu khác	27.659.333.442	27.672.369.695
+ Trợ cấp thôi việc	1.704.281.314	1.856.998.209
+ Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận 2 (ứng trước tiền thuê đất)	25.499.065.580	25.499.065.580
+ Khác	455.986.548	316.305.906
<b>5.2 Dài hạn</b>	<b>10.299.923.005</b>	<b>17.096.635.404</b>
- Ký cược, ký quỹ	10.299.923.005	17.096.635.404
<b>Cộng</b>	<b>41.372.884.279</b>	<b>45.472.996.351</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

**6. NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng</b>				
- Công ty CP Gốm sứ Casenco	96.800.000		96.800.000	
- Công ty Gốm sứ Giang Tây	306.306.000		306.306.000	
- Công ty Gạch men Hoàng Gia	33.261.800		33.261.800	
- Các đối tượng khác	10.893.917		10.893.917	
<b>Cộng</b>	<b>447.261.717</b>		<b>447.261.717</b>	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ngày tại lập Báo cáo tài chính.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá gốc	Dự Phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	99.392.334.580		113.421.841.958	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.636.766.206		25.426.221.246	
- Thành phẩm	285.119.092.465	2.367.304.498	310.436.242.804	1.475.250.954
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>427.148.193.251</b>	<b>2.367.304.498</b>	<b>449.284.306.008</b>	<b>1.475.250.954</b>

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu kỳ	350.551.209.967	1.177.130.966.351	26.993.724.738	7.509.299.856	68.876.325.927	1.631.061.526.839	
2. Số tăng trong kỳ	681.205.714	41.717.029.872		173.900.000	420.000.000	42.992.135.586	
- Mua sắm mới	681.205.714	41.717.029.872		173.900.000	420.000.000	42.992.135.586	
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
3. Số giảm trong kỳ			7.899.747.048		1.871.357.300	9.771.104.348	
- Thanh lý, nhượng bán			7.899.747.048		1.871.357.300	9.771.104.348	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	351.232.415.681	1.218.847.996.223	19.093.977.690	7.683.199.856	67.424.968.627	1.664.282.558.077	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu kỳ	192.215.244.029	1.109.903.749.151	24.395.696.783	6.409.158.982	63.161.012.836	1.396.084.861.781	
2. Số tăng trong kỳ	12.367.861.758	15.040.007.598	404.176.874	173.926.173	1.964.439.962	29.950.412.365	
- Khấu hao trong kỳ	12.367.861.758	15.040.007.598	404.176.874	173.926.173	1.964.439.962	29.950.412.365	
3. Số giảm trong kỳ			7.899.747.048		1.871.357.300	9.771.104.348	
- Thanh lý, nhượng bán			7.899.747.048		1.871.357.300	9.771.104.348	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	204.583.105.787	1.124.943.756.749	16.900.126.609	6.583.085.155	63.254.095.498	1.416.264.169.798	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ	158.335.965.938	67.227.217.200	2.598.027.955	1.100.140.874	5.715.313.091	234.976.665.058	
Tại ngày cuối kỳ	146.649.309.894	93.904.239.474	2.193.851.081	1.100.114.701	4.170.873.129	248.018.388.279	

**Ghi chú:**  
 - Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 49.520.379.379 đồng.  
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.117.779.422.073 đồng.  
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có

Đơn vị tính: VND

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu kỳ		4.607.959.199	4.607.959.199
Số tăng trong kỳ			
- Đầu tư XDCB hoàn thành			
Số giảm trong kỳ		168.937.500	168.937.500
- hanh lý, nhượng bán		168.937.500	168.937.500
Số dư cuối kỳ		4.439.021.699	4.439.021.699
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	4.389.212.027		4.389.212.027
Khấu hao trong kỳ	204.669.047		204.669.047
Giảm do hanh lý, nhượng bán	154.859.375		154.859.375
Số dư cuối kỳ	4.439.021.699		4.439.021.699
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
Tại ngày đầu kỳ		218.747.172	218.747.172
Tại ngày cuối kỳ			

**Ghi chú:**

(\*) Giá trị còn lại TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: không có  
 (\*\*) Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
+ Máy móc thiết bị	3.529.624.456	6.199.869.763
<b>Cộng</b>	<b>3.529.624.456</b>	<b>6.199.869.763</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>11.1 Ngắn hạn</b>	<b>19.555.245.958</b>	<b>32.563.004.295</b>
- Chi phí sửa chữa	10.407.618.571	8.447.227.759
- Chi phí trả trước - Công ty Hải Âu		4.376.819.438
- Chi phí trả trước - Công ty IDC	7.359.006.535	18.211.891.024
- Chi phí khác	1.788.620.852	1.527.066.074
<b>11.2 Dài hạn</b>	<b>1.011.302.603</b>	<b>1.191.940.810</b>
- Xây dựng hồ nước	5.337.645	203.621.668
- Khác	1.005.964.958	988.319.142
<b>Cộng</b>	<b>20.566.548.561</b>	<b>33.754.945.105</b>

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>260.111.957.261</b>	<b>260.111.957.261</b>	<b>897.557.490.221</b>	<b>900.426.786.844</b>
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Nhơn Trạch	100.811.134.259	100.811.134.259	543.350.006.770	553.544.540.623
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	70.586.846.874	70.586.846.874	161.898.352.535	148.693.375.630
+ Ngân hàng Huanan TP.HCM			34.735.256.988	49.938.433.085
+ Ngân hàng FCB TP.HCM	28.137.426.035	28.137.426.035	56.669.901.046	43.536.591.085
+ Ngân hàng E-SUN Đồng Nai	49.027.281.174	49.027.281.174	80.915.558.516	96.274.700.974
+ Ngân hàng Chinatrust TP.HCM	11.549.268.919	11.549.268.919	19.988.414.366	8.439.145.447
<b>Cộng</b>	<b>260.111.957.261</b>	<b>260.111.957.261</b>	<b>897.557.490.221</b>	<b>900.426.786.844</b>

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.187.316.246</b>	<b>4.187.316.246</b>	<b>2.792.560.000</b>	<b>6.979.876.246</b>
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai	4.187.316.246	4.187.316.246	2.792.560.000	6.979.876.246
<b>Cộng</b>	<b>4.187.316.246</b>	<b>4.187.316.246</b>	<b>2.792.560.000</b>	<b>6.979.876.246</b>

**12.2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

Vay dài hạn  
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai  
**Cộng**

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**  
**12.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

**13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>153.694.756.104</b>	<b>153.694.756.104</b>	<b>128.944.671.217</b>	<b>128.944.671.217</b>
- XI Nghiệp Phân Phối Khí Tháp Ấp Vũng Tàu	19.742.322.735	19.742.322.735	16.526.321.365	16.526.321.365
- DNTN Bình An	10.763.346.751	10.763.346.751	9.944.140.791	9.944.140.791
- Công ty TNHH MTV Xúc Tiến Đầu Tư Phương Quỳnh	22.039.314.571	22.039.314.571	15.267.298.273	15.267.298.273
- Phải trả các đối tượng khác	101.149.772.047	101.149.772.047	87.206.910.788	87.206.910.788
<b>Cộng</b>	<b>153.694.756.104</b>	<b>153.694.756.104</b>	<b>128.944.671.217</b>	<b>128.944.671.217</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	<b>14.1. Các khoản phải thu</b>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.692.221.421	3.692.221.421		
<b>Cộng</b>	<b>3.692.221.421</b>	<b>3.692.221.421</b>		
<b>14.2. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	741.146.029	304.317.444	934.817.369	110.646.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp		491.040.184		491.040.184
Thuế thu nhập cá nhân	35.865.803	1.515.500.756	1.549.114.713	2.251.846
<b>Cộng</b>	<b>777.011.832</b>	<b>2.310.858.384</b>	<b>2.483.932.082</b>	<b>603.938.134</b>

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
- Lãi vay	282.292.093	146.795.221
- Phí hoa hồng bán hàng	1.294.704.209	340.893.005
- Phí luật sư		420.000.000
- Phí đảm bảo chất lượng gạch	8.495.724.800	9.671.489.464
- Phí kiểm toán	250.000.000	255.000.000
- Trích trước chi phí liên điện, tiền vận chuyển, tiền cơm	6.803.674.652	9.270.751.323
- Chi phí phải trả khác	1.110.419.795	1.213.147.278
<b>Cộng</b>	<b>18.236.815.549</b>	<b>21.318.076.291</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>16.1. Ngắn hạn</b>	<b>905.540.037</b>	<b>6.698.971.078</b>
- Kinh phí công đoàn	228.097.457	254.400.000
- Tạm thu - Công ty TNHH CN Nội thất Hải Âu VN		5.600.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	677.442.580	844.571.078
<b>16.2. Dài hạn</b>	<b>1.330.500.000</b>	<b>1.330.500.000</b>
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	1.330.500.000	1.330.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.236.040.037</b>	<b>8.029.471.078</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		Đơn vị tính: VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cộng
		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số dư đầu năm trước	454.328.360.000	31.629.873.419	34.945.467.772
Tăng vốn trong năm trước	86.520.960.000	(76.940.800)	804.125.000
Lãi trong năm trước			11.282.152.903
Tăng khác		4.744.481.012	4.744.481.012
Lỗ trong năm trước			(734.951.415)
Giảm khác		(4.744.481.012)	(4.744.481.012)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>454.328.360.000</b>	<b>26.885.392.407</b>	<b>35.014.641.357</b>
Tăng vốn trong năm	86.520.960.000	(76.940.800)	470.480.023.445
Lãi trong năm nay			1.845.947.622
Tăng khác		2.688.539.241	2.688.539.241
Lỗ trong năm nay			(861.845.506)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát			(338.464.587)
Sử dụng quỹ		(1.904.161.504)	(1.904.161.504)
Giảm khác		(2.688.539.241)	(2.688.539.241)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>454.328.360.000</b>	<b>24.196.853.166</b>	<b>34.152.795.851</b>
			<b>469.221.499.470</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

		Đơn vị tính: VND	
		31/12/2022	01/01/2022
<b>17. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			
Vốn góp của Nhà nước		454.251.419.200	454.251.419.200
Vốn góp của các cổ đông		76.940.800	76.940.800
Cổ phiếu quỹ			
<b>Cộng</b>		<b>454.328.360.000</b>	<b>454.328.360.000</b>
<b>17. c) Các quỹ của Công ty</b>			
- Quỹ đầu tư phát triển		24.196.853.166	26.885.392.407
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.787.282.994	17.002.905.257
<b>Cộng</b>		<b>41.984.136.160</b>	<b>43.888.297.664</b>
<b>17. d) Cổ phiếu</b>			
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		45.432.836	45.432.836
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		45.432.836	45.432.836
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại		7.694	7.694
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		45.425.142	45.425.142
- Cổ phiếu phổ thông		45.425.142	45.425.142
- Cổ phiếu ưu đãi			
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu			
<b>18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
		31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		1.018.080,40	575.977,57
- Euro (EUR)			
- Yên Nhật (JPY)		90.179,00	91.499,00
- Dollar Đài Loan (TWD)		83,00	83,00

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

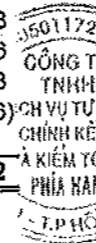
	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	665.871.428.907	432.138.064.155	1.098.009.493.062
Doanh thu giữa các bộ phận			
<b>Cộng</b>	<b>665.871.428.907</b>	<b>432.138.064.155</b>	<b>1.098.009.493.062</b>
Kết quả kinh doanh	5.695.854.616	4.920.982.189	10.616.836.805
Doanh thu tài chính	62.771.309	11.967.861.614	12.030.632.923
Chi phí tài chính	13.258.693.857	18.276.573.599	31.535.267.456
Thu nhập khác			13.634.057.028
Chi phí khác			1.160.280.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành			2.601.877.018
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			(861.845.506)
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>			<b>1.845.947.622</b>

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	147.293.765.097	66.679.492.259	213.973.257.356
Tài sản không phân bổ			729.663.332.209
<b>Tổng tài sản</b>			<b>943.636.589.565</b>
Nợ phải trả của bộ phận	149.952.560.446	60.163.256.142	210.115.816.588
Nợ phải trả không phân bổ			264.299.273.507
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>474.415.090.095</b>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Hoạt động đầu tư	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận bán ra bên ngoài	1.098.009.493.062		1.098.009.493.062
Tài sản của bộ phận	943.636.589.565		943.636.589.565



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng	1.099.731.218.634	943.631.609.203
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.163.709.723	617.759.464
<b>Cộng</b>	<b>1.106.894.928.357</b>	<b>944.249.368.667</b>

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	8.450.404.512	9.102.262.542
Giảm giá hàng bán		351.098
Hàng bán bị trả lại	435.030.783	517.176.196
<b>Cộng</b>	<b>8.885.435.295</b>	<b>9.619.789.836</b>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	937.289.531.751	762.371.023.345
- Tồn thất hàng tồn kho		3.380.106.259
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	892.053.544	(1.017.913.819)
<b>Cộng</b>	<b>938.181.585.295</b>	<b>764.733.215.785</b>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.395.093	80.047.750
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.111.702.074	2.945.792.183
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.868.535.756	163.779.451
- Lãi bán hàng trả chậm		668.306.788
<b>Cộng</b>	<b>12.030.632.923</b>	<b>3.857.926.172</b>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí lãi vay	11.700.820.044	12.577.377.385
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.822.290.523	4.159.397.171
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.454.283.076	250.415.455
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.557.873.813	1.563.943.907
<b>Cộng</b>	<b>31.535.267.456</b>	<b>18.551.133.918</b>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí vận chuyển	35.477.334.435	36.770.774.515
- Chi phí hoa hồng	11.460.012.285	7.476.437.574
- Chi phí xuất khẩu	24.034.044.474	23.715.321.215
- Chi phí bán hàng khác	30.717.600.151	27.157.599.558
<b>Cộng</b>	<b>101.688.991.345</b>	<b>95.120.132.862</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí nhân viên quản lý	18.460.336.635	18.357.897.359
- Chi phí thuê ngoài	6.491.662.539	6.871.283.298
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		(3.392.075.876)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	22.570.080.443	30.512.158.969
<b>Cộng</b>	<b>47.522.079.617</b>	<b>52.149.263.750</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	626.113.905	320.000.000
- Thuế nhập khẩu được hoàn	539.469.461	
- Thu nhập từ bán phế liệu	2.393.845.371	2.108.873.650
- Bán nguyên liệu		1.247.513.400
- Xử lý công nợ	9.892.020.297	489.303.556
- Thu nhập khác	182.607.994	103.404.723
<b>Cộng</b>	<b>13.634.057.028</b>	<b>4.269.095.329</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	14.078.125	
- Thuế GTGT hàng tồn kho tồn thất		338.010.625
- Chi phí bồi thường		638.996.000
- Xử lý công nợ	793.547.643	621.386.664
- Chi phí khác	352.654.398	57.259.240
<b>Cộng</b>	<b>1.160.280.166</b>	<b>1.655.652.529</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.601.877.018	
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>2.601.877.018</b>	

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	1.845.947.622	11.282.152.903
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát trích từ lợi nhuận sau thuế	(338.464.587)	
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	45.425.142	45.425.142
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	33	248

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	681.376.647.963	612.477.662.890
Chi phí nhân công	127.688.743.471	123.172.566.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.155.081.412	40.238.401.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.904.077.249	113.834.253.417
Chi phí khác bằng tiền	97.348.169.511	71.987.032.366
<b>Cộng</b>	<b>1.056.472.719.606</b>	<b>961.709.915.704</b>

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HĐQT
Ông CHEN JO YUAN	Thành viên HĐQT
Ông TANG TAI YING	Thành viên HĐQT
Ông LEE, CHIA-TEH	Thành viên HĐQT
Ông WANG, JUI-CHUAN	Thành viên HĐQT
Ông DING ZONG MIN	Thành viên HĐQT

Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2022, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các thành viên quản lý chủ chốt. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HĐQT	Thù lao, lương và thưởng	868.096.179
Ông CHEN JO YUAN	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.128.611
Ông TANG TAI YING	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.128.611
Ông LONG GEN	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.128.611
Ông WANG, JUI-CHUAN	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.128.611
Ông DING ZONG MIN	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.128.611

Cho đến ngày 31/12/2022, không còn khoản nào chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt.

**32.2 Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ vốn
Công ty TNHH Teknia	Công ty con	100%
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	51%

Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2022, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan là tổ chức. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	Thuê mặt bằng, phí điện, nước...	417.221.867

Cho đến ngày 31/12/2022, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	602.963.630

**32.3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**32.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

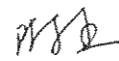
Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



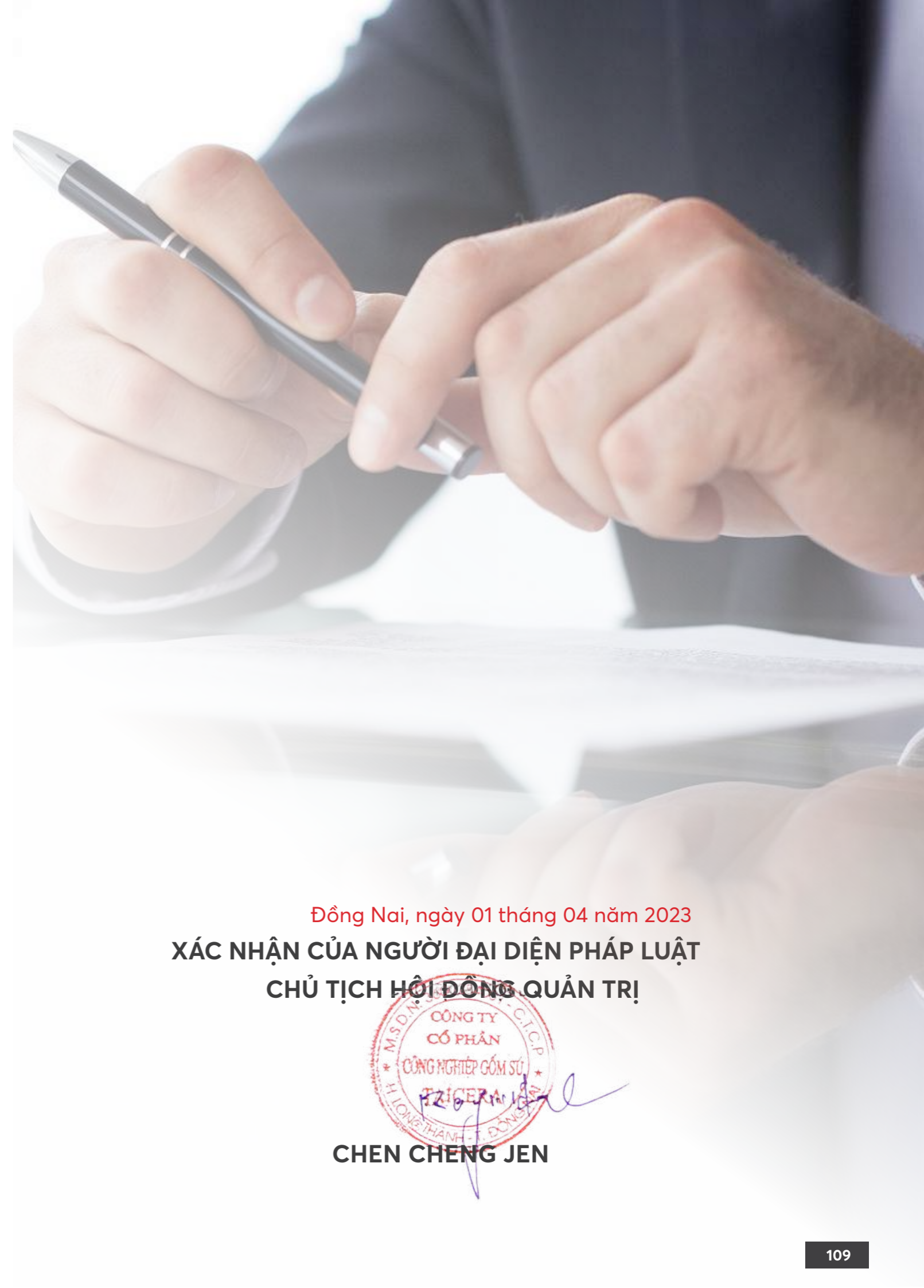
Chen Ping Sheng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Chen Cheng Jen

1/01/2023



Đồng Nai, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHEN CHENG JEN**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA**



Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai



(84.2513) 841 594 - 841 597



[www@taicera.com](mailto:www@taicera.com)



[www.taicera.com](http://www.taicera.com)

